

Phụ lục 1**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN TỈNH
QUẢNG TRỊ NĂM 2025 THỰC HIỆN TẠI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN, CƠ QUAN THUỘC UBND TỈNH***(Kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)*

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
I	SỞ NỘI VỤ				
1	Các cơ sở giáo dục khác	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	1.005466.000.00.00.H50	x	
2	Các cơ sở giáo dục khác	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	1.004712.000.00.00.H50	x	
3	Các cơ sở giáo dục khác	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	2.001805.000.00.00.H50	x	
4	Công tác thanh niên	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	2.001717.000.00.00.H50	x	
5	Công tác thanh niên	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	1.003999.000.00.00.H50	x	
6	Công tác thanh niên	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	2.001683.000.00.00.H50	x	
7	Chính quyền địa phương	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, thôn tổ dân phố	2.000465.000.00.00.H50	x	
8	Tổ chức - Biên chế	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm	1.009339.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			
9	Tổ chức - Biên chế	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009340.000.00.00.H50	x	
10	Tổ chức - Biên chế	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009331.000.00.00.H50	x	
11	Tổ chức - Biên chế	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009332.000.00.00.H50	x	
12	Tổ chức - Biên chế	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009333.000.00.00.H50	x	
13	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội.	1.012927.H50	x	
14	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục thành lập hội	1.012929.H50	x	
15	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	1.012942.H50	x	
16	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	1.012943.H50	x	
17	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội	1.012945.H50	x	
18	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục hội tự giải thể	1.012946.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
19	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện	1.012947.H50	x	
20	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	1.012948.H50	x	
21	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013017.H50	x	
22	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	1.013018.H50	x	
23	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	1.013019.H50	x	
24	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013020.H50	x	
25	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	1.013021.H50	x	
26	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	1.013022.H50	x	
27	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục quỹ tự giải thể	1.013023.H50	x	
28	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh về thành tích đột xuất (cấp tỉnh)	1.012401.H50	x	
29	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh (cấp tỉnh)	1.012393.H50	x	
30	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo	1.012399.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		chuyên đề (cấp tỉnh)			
31	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh (cấp tỉnh)	1.012395.H50	x	
32	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh (Cấp tỉnh)	1.012392.H50	x	
33	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" (cấp tỉnh)	1.012396.H50	x	
34	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo chuyên đề (cấp tỉnh)	1.012398.H50	x	
35	Văn thư và Lưu trữ nhà nước	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực tài liệu lưu trữ (Cấp tỉnh)	1.010195.000.00.00.H50	x	
36	Văn thư và Lưu trữ nhà nước	Thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề lưu trữ (Cấp tỉnh)	1.010196.000.00.00.H50	x	
37	Tiền lương	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	1.000414.000.00.00.H50	x	
38	Tiền lương	Thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000436.000.00.00.H50	x	
39	Tiền lương	Cấp lại giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000448.000.00.00.H50	x	
40	Tiền lương	Gia hạn giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000464.000.00.00.H50	x	
41	Tiền lương	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000479.000.00.00.H50	x	
42	Tiền lương	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	1.009466.000.00.00.H50	x	
43	Tiền lương	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương	1.009467.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		lượng tập thể			
44	Tiền lương	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	2.001955.000.00.00.H50	x	
45	Việc làm	“Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động”	1.001881.000.00.00.H50	x	
46	Việc làm	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	1.001978.000.00.00.H50	x	
47	Việc làm	Thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.009873.000.00.00.H50	x	
48	Việc làm	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	2.000178.000.00.00.H50	x	
49	Việc làm	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	2.000219.000.00.00.H50	x	
50	Việc làm	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	2.001953.000.00.00.H50	x	
51	Việc làm	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.009874.000.00.00.H50	x	
52	An toàn vệ sinh lao động	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước	1.005449.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)			
53	An toàn vệ sinh lao động	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	1.005450.000.00.00.H50	x	
54	An toàn vệ sinh lao động	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	2.000111.000.00.00.H50	x	
55	An toàn vệ sinh lao động	Khai báo với Sở Lao động -Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	2.000134.000.00.00.H50	x	
56	An toàn vệ sinh lao động	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	2.002343.000.00.00.H50	x	
57	Người lao động nước	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng	1.000105.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	ngoài làm việc tại Việt Nam	người lao động nước ngoài			
58	Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài	Đề nghị tất toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày	1.000502.000.00.00.H50	x	
59	Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài	Đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày	1.005132.000.00.00.H50	x	
60	Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài	Đăng ký Hợp đồng cá nhân	2.002028.000.00.00.H50	x	
61	Công chức, viên chức	Thủ tục tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	1.012935.H50		x
62	Công chức, viên chức	Thủ tục xét tuyển công chức	1.012934.H50		x
63	Công chức, viên chức	Thủ tục thi tuyển công chức	1.012933.H50		x
64	Công chức, viên chức	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	1.012299.H50		x
65	Công chức, viên chức	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	1.012301.H50		x
66	Công chức, viên chức	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	1.012300.H50		x
67	Văn thư và Lưu trữ nhà nước	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc (Cấp tỉnh)	1.010194.000.00.00.H50		x
68	Lao động, tiền lương,	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được	1.004964.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	quan hệ lao động	cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia			
69	Người có công	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.001257.000.00.00.H50		x
70	Người có công	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	2.002307.000.00.00.H50		x
71	Người có công	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	1.010801.000.00.00.H50		x
72	Người có công	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	1.010802.000.00.00.H50		x
73	Người có công	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	1.010803.000.00.00.H50		x
74	Người có công	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	1.010804.000.00.00.H50		x
75	Người có công	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1.010805.000.00.00.H50		x
76	Người có công	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	1.010806.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
77	Người có công	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	1.010807.000.00.00.H50		x
78	Người có công	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	1.010808.000.00.00.H50		x
79	Người có công	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	1.010809.000.00.00.H50		x
80	Người có công	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	1.010812.000.00.00.H50		x
81	Người có công	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	1.010814.000.00.00.H50		x
82	Người có công	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1.010819.000.00.00.H50		x
83	Người có công	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	1.010820.000.00.00.H50		x
84	Người có công	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.010821.000.00.00.H50		x
85	Người có công	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh	1.010822.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên			
86	Người có công	Hưởng lại chế độ ưu đãi	1.010823.000.00.00.H50		x
87	Người có công	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1.010810.000.00.00.H50		x
88	Người có công	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1.010811.000.00.00.H50		x
89	Người có công	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	1.010813.000.00.00.H50		x
90	Người có công	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	1.010815.000.00.00.H50		x
91	Người có công	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010816.000.00.00.H50		x
92	Người có công	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010817.000.00.00.H50		x
93	Người có công	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1.010818.000.00.00.H50		x
94	Người có công	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1.010824.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
95	Người có công	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	1.010825.000.00.00.H50		x
96	Người có công	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	1.010826.000.00.00.H50		x
97	Người có công	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	1.010827.000.00.00.H50		x
98	Người có công	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	1.010828.000.00.00.H50		x
99	Người có công	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010829.000.00.00.H50		x
100	Người có công	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010830.000.00.00.H50		x
101	Người có công	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001157.H50		x
102	Người có công	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001396.H50		x
103	Việc làm	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	1.000459.000.00.00.H50		x
104	Việc làm	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000205.000.00.00.H50		x
105	Việc làm	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước	2.000192.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		ngoài làm việc tại Việt Nam			
106	Việc làm	Giải quyết hỗ trợ học nghề	2.000839.000.00.00.H50		x
107	Việc làm	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	1.000401.000.00.00.H50		x
108	Việc làm	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001865.000.00.00.H50		x
109	Việc làm	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001853.000.00.00.H50		x
110	Việc làm	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001823.000.00.00.H50		x
111	Việc làm	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	1.009811.000.00.00.H50		x
112	Lao động	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	1.004949.000.00.00.H50		x
113	Tiền lương	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)	2.001949.000.00.00.H50		x
				60	53
II	SỞ XÂY DỰNG				
1	Đường bộ	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương	1.002063.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		tiện của Lào			
2	Đường bộ	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	2.002287.000.00.00.H50	x	
3	Đường bộ	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	1.002046.000.00.00.H50	x	
4	Đường bộ	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	1.000703.000.00.00.H50	x	
5	Đường bộ	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	1.001751.000.00.00.H50	x	
6	Đường bộ	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	2.002286.000.00.00.H50	x	
7	Đường bộ	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	2.000769.000.00.00.H50	x	
8	Đường bộ	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	1.010707.000.00.00.H50	x	
9	Đường bộ	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương	1.002286.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		tiện của Lào, Campuchia			
10	Đường bộ	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1.004993.000.00.00.H50	x	
11	Đường bộ	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	1.001577.000.00.00.H50	x	
12	Đường bộ	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	1.001737.000.00.00.H50	x	
13	Đường bộ	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.010708.000.00.00.H50	x	
14	Đường bộ	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	1.002798.000.00.00.H50	x	
15	Đường bộ	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	1.000660.000.00.00.H50	x	
16	Đường bộ	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	1.005210.000.00.00.H50	x	
17	Đường bộ	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	1.001623.000.00.00.H50	x	
18	Đường bộ	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	1.000672.000.00.00.H50	x	
19	Đường bộ	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1.001765.000.00.00.H50	x	
20	Đường bộ	Thủ tục Gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời hè phố	1.010438.H50	x	
21	Đường bộ	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ	1.000028.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ			
22	Đường bộ	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	1.005024.000.00.00.H50	x	
23	Đường bộ	Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng, lắp đặt các công trình nổi trên hè phố tại các tuyến đường do Sở Giao thông Vận tải quản lý.	1.010431	x	
24	Đường thủy nội địa	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	1.003640.000.00.00.H50	x	
25	Đường thủy nội địa	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	1.000344.000.00.00.H50	x	
26	Đường bộ	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	2.002285.000.00.00.H50	x	
27	Đường thủy nội địa	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	1.004259.000.00.00.H50	x	
28	Đường thủy nội địa	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	1.004261.000.00.00.H50	x	
29	Đường thủy nội địa	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	2.001998.000.00.00.H50	x	
30	Đường thủy nội địa	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	2.002001.000.00.00.H50	x	
31	Đường thủy nội địa	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường	1.006391.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác			
32	Đường thủy nội địa	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2.001711.000.00.00.H50	x	
33	Đường thủy nội địa	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036.000.00.00.H50	x	
34	Đường thủy nội địa	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930.000.00.00.H50	x	
35	Đường thủy nội địa	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002.000.00.00.H50	x	
36	Đường thủy nội địa	Xóa đăng ký phương tiện	2.001659.000.00.00.H50	x	
37	Đường thủy nội địa	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	1.003135.000.00.00.H50	x	
38	Đường thủy nội địa	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	1.009443.000.00.00.H50	x	
39	Đường thủy nội địa	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	1.009464.000.00.00.H50	x	
40	Đường thủy nội địa	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	1.004242.000.00.00.H50	x	
41	Đường thủy nội địa	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	2.001219.000.00.00.H50	x	
42	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	1.009445.000.00.00.H50	x	
43	Đường thủy nội địa	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc	1.009459.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương			
44	Đường thủy nội địa	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	1.009461.000.00.00.H50	x	
45	Đường thủy nội địa	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	1.009465.000.00.00.H50	x	
46	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009451.000.00.00.H50	x	
47	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	1.009462.000.00.00.H50	x	
48	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009463.000.00.00.H50	x	
49	Đường thủy nội địa	Công bố đóng khu neo đậu	1.009450.000.00.00.H50	x	
50	Đường thủy nội địa	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	1.009460.000.00.00.H50	x	
51	Đường thủy nội địa	Thiết lập khu neo đậu	1.009448.000.00.00.H50	x	
52	Đường thủy nội địa	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	1.005021.000.00.00.H50	x	
53	Đường thủy nội địa	Công bố hoạt động khu neo đậu	1.009449.000.00.00.H50	x	
54	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	1.009442.000.00.00.H50	x	
55	Đường thủy nội địa	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	1.009456.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
56	Du lịch	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.008029.000.00.00.H50	x	
57	Du lịch	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.008028.000.00.00.H50	x	
58	Du lịch	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.008027.000.00.00.H50	x	
59	Hàng hải	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	2.000795.000.00.00.H50	x	
60	Hàng hải	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	2.001802.000.00.00.H50	x	
61	Đường sắt	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	1.005126.000.00.00.H50	x	
62	Đường sắt	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	1.005123.000.00.00.H50	x	
63	Đường sắt	Bãi bỏ đường ngang	1.000294.000.00.00.H50	x	
64	Đường sắt	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	1.005058.000.00.00.H50	x	
65	Đường sắt	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	1.004691.000.00.00.H50	x	
66	Đường sắt	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	1.004681.000.00.00.H50	x	
67	Đường sắt	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với	1.004883.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		đường bộ từ cấp IV trở xuống)			
68	Đường sắt	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	1.004685.000.00.00.H50	x	
69	Đường sắt	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	1.005134.000.00.00.H50	x	
70	Đường bộ	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1.013061.H50	x	
71	Đăng kiểm	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013105.H50	x	
72	Đăng kiểm	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013110.H50	x	
73	Đăng kiểm	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001322.H50	x	
74	Đăng kiểm	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001296.H50	x	
75	Đường bộ	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002268.000.00.00.H50	x	
76	Đường bộ	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	1.001777.000.00.00.H50	x	
77	Đường bộ	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	1.013259.H50	x	
78	Đường bộ	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	2.002615.H50	x	
79	Đường bộ	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng	1.013260.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép			
80	Đường bộ	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	2.002616.H50	x	
81	Đường bộ	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	1.013261.H50	x	
82	Đường bộ	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	2.002617. H50	x	
83	Đường bộ	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	1.001061.000.00.00.H50	x	
84	Đường thủy nội địa	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088.000.00.00.H50	x	
85	Đường thủy nội địa	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047.000.00.00.H50	x	
86	Đường thủy nội địa	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970.000.00.00.H50	x	
87	Đường thủy nội địa	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (TTHC thực hiện cả cấp tỉnh và cấp huyện)	1.009444.000.00.00.H50	x	
88	Hàng hải	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	2.002624.H50	x	
89	Hàng hải	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét	2.002625.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		trên bờ			
90	Đường bộ	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1.013274.H50	x	
91	Đường bộ	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	1.013276.H50	x	
92	Đường bộ	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	1.013277.H50	x	
93	Đường bộ	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002877.000.00.00.H50	x	
94	Đường bộ	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	1.001023.000.00.00.H50	x	
95	Đường bộ	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	2.002288.000.00.00.H50	x	
96	Đường bộ	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	1.002861.000.00.00.H50	x	
97	Đường bộ	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào	1.002856.000.00.00.H50	x	
98	Đường bộ	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần	2.001921.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ			
99	Đường bộ	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	1.001046.000.00.00.H50	x	
100	Đường bộ	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1.000314.000.00.00.H50	x	
101	Đường bộ	Thủ tục Cấp giấy phép các hoạt động đào, lấp hệ phố để thi công công trình hạ tầng kỹ thuật tại các tuyến đường do Sở Giao thông Vận tải quản lý	1.010429	x	
102	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	1.013235.H50	x	
103	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.013237.H50	x	
104	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.013217.H50	x	
105	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	1.013220.H50	x	
106	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	1.013221.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
107	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.013219.H50	x	
108	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	1.013222.H50	x	
109	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	1.013224.H50	x	
110	Quy hoạch xây dựng và Kiến trúc	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	1.008989.000.00.00.H50	x	
111	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	1.008432.000.00.00.H50	x	
112	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	1.008993.000.00.00.H50	x	
113	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	1.008992.000.00.00.H50	x	
114	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	1.008991.000.00.00.H50	x	
115	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	1.008990.000.00.00.H50	x	
116	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	1.008891.000.00.00.H50	x	
117	Vật liệu xây dựng	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	1.006871.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
118	Giám định tư pháp về xây dựng	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	1.011675.H50	x	
119	Giám định tư pháp về xây dựng	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	2.001116.000.00.00.H50	x	
120	Nhà ở và công sở	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội / nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	1.012895.H50	x	
121	Nhà ở và công sở	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	1.012882.H50	x	
122	Nhà ở và công sở	Thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	1.012880.H50	x	
123	Nhà ở và công sở	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công.	1.012885.H50	x	
124	Nhà ở và công sở	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công.	1.012886.H50	x	
125	Nhà ở và công sở	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở năm 2023.	1.012887.H50	x	
126	Nhà ở và công sở	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	1.012891.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
127	Kinh doanh bất động sản	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	1.012901.H50	x	
128	Kinh doanh bất động sản	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	1.012902.H50	x	
129	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	1.002701.000.00.00.H50	x	
130	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	1.011710.H50	x	
131	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	1.011708.H50	x	
132	Thí nghiệm chuyên	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt		x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	ngành xây dựng	động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	1.011711.H50		
133	Hoạt động xây dựng	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1.013231.H50		x
134	Kinh doanh bất động sản	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	1.012905.H50		x
135	Nhà ở và công sở	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	1.012896.H50		x
136	Nhà ở và công sở	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	1.012894.H50		x
137	Nhà ở và công sở	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	1.012893.H50		x
138	Nhà ở và công sở	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	1.012898.H50		x
139	Nhà ở và công sở	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	1.012897.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
140	Nhà ở và công sở	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	1.012892.H50		x
141	Nhà ở và công sở	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	1.012890.H50		x
142	Kinh doanh bất động sản	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	1.012903.H50		x
143	Kinh doanh bất động sản	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	1.012900.H50		x
144	Nhà ở và công sở	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.012883.H50		x
145	Đường thủy nội địa	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088.000.00.00.H50		x
146	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	1.009791.000.00.00.H50		x
147	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	1.011705.H50		x
148	Hoạt động xây dựng	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ	1.013234.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		số/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;			
149	Hoạt động xây dựng	cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1.013236.H50		x
150	Hoạt động xây dựng	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1.013233.H50		x
151	Hoạt động xây dựng	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1.013230.H50		x
152	Hoạt động xây dựng	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn	1.013238.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)			
153	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	1.003011.000.00.00.H50		x
154	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	1.009794.000.00.00.H50		x
155	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	1.009788.000.00.00.H50		x
				132	23
III	SỞ TƯ PHÁP				
1	Bán đấu giá tài sản	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	2.001258.000.00.00.H50	x	
2	Bán đấu giá tài sản	Thủ tục cấp lại Thẻ đấu giá viên	2.001807.000.00.00.H50	x	
3	Bán đấu giá tài sản	Thủ tục cấp Thẻ đấu giá viên	2.001815.000.00.00.H50	x	
4	Bán đấu giá tài sản	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	2.001247.000.00.00.H50	x	
5	Bán đấu giá tài sản	Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	2.001395.000.00.00.H50	x	
6	Bán đấu giá tài sản	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	2.002139.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
7	Bán đấu giá tài sản	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	2.001333.000.00.00.H50	x	
8	Bồi thường nhà nước	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	2.002193.000.00.00.H50	x	
9	Công chứng	Bổ nhiệm công chứng viên	1.000112.000.00.00.H50	x	
10	Công chứng	Bổ nhiệm lại công chứng viên	1.000100.000.00.00.H50	x	
11	Công chứng	Cấp lại Thẻ công chứng viên	1.001799.000.00.00.H50	x	
12	Công chứng	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	1.001438.000.00.00.H50	x	
13	Công chứng	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	1.001647.000.00.00.H50	x	
14	Công chứng	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	1.001756.000.00.00.H50	x	
15	Công chứng	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	2.000789.000.00.00.H50	x	
16	Công chứng	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	2.000766.000.00.00.H50	x	
17	Công chứng	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	1.001071.000.00.00.H50	x	
18	Công chứng	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	1.001446.000.00.00.H50	x	
19	Công chứng	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	1.001721.000.00.00.H50	x	
20	Công chứng	Hợp nhất Văn phòng công chứng	1.001688.000.00.00.H50	x	
21	Công chứng	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	1.000075.000.00.00.H50	x	
22	Công chứng	Sáp nhập Văn phòng công chứng	1.001665.000.00.00.H50	x	
23	Công chứng	Thành lập Hội công chứng viên	1.003118.000.00.00.H50	x	
24	Công chứng	Thành lập Văn phòng công chứng	1.001877.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
25	Công chứng	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	2.000778.000.00.00.H50	x	
26	Công chứng	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	2.000743.000.00.00.H50	x	
27	Công chứng	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	2.000758.000.00.00.H50	x	
28	Công chứng	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.001125.000.00.00.H50	x	
29	Công chứng	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	1.001153.000.00.00.H50	x	
30	Công chứng	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	2.002387. 000.00.00H50	x	
31	Công chứng	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	1.012019.H50	x	
32	Chứng thực	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908.000.00.00.H50	x	
33	Giám định tư pháp	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	1.001122.000.00.00.H50	x	
34	Giám định tư pháp	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	1.001117.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
35	Giám định tư pháp	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	2.000555.000.00.00.H50	x	
36	Giám định tư pháp	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	1.009832.000.00.00.H50	x	
37	Giám định tư pháp	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	2.000890.000.00.00.H50	x	
38	Giám định tư pháp	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	1.001216.000.00.00.H50	x	
39	Giám định tư pháp	Đăng ký hoạt động Văn phòng Giám định tư pháp	2.000823.000.00.00.H50	x	
40	Giám định tư pháp	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	2.000894.000.00.00.H50	x	
41	Giám định tư pháp	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	2.000568.000.00.00.H50	x	
42	Hộ tịch	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	2.000635.000.00.00.H50	x	
43	Hộ tịch	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	2.002516.000.00.00.H50	x	
44	Hòa giải thương mại	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1.008914.000.00.00.H50	x	
45	Hòa giải thương mại	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	1.009283.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
46	Hòa giải thương mại	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	2.000515.000.00.00.H50	x	
47	Hòa giải thương mại	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	1.008915.000.00.00.H50	x	
48	Hòa giải thương mại	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	2.001716.000.00.00.H50	x	
49	Hòa giải thương mại	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	1.008913.000.00.00.H50	x	
50	Hòa giải thương mại	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	1.009284.000.00.00.H50	x	
51	Hòa giải thương mại	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	2.002047.000.00.00.H50	x	
52	Hòa giải thương mại	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải	1.008916.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		thương mại nước ngoài tại Việt Nam			
53	Luật sư	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1.002368.000.00.00.H50	x	
54	Luật sư	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	1.008709.000.00.00.H50	x	
55	Luật sư	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	1.002153.000.00.00.H50	x	
56	Luật sư	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	1.002384.000.00.00.H50	x	
57	Luật sư	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	1.002099.000.00.00.H50	x	
58	Luật sư	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1.002181.000.00.00.H50	x	
59	Luật sư	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	1.002398.000.00.00.H50	x	
60	Luật sư	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	1.002010.000.00.00.H50	x	
61	Luật sư	Hợp nhất công ty luật	1.002218.000.00.00.H50	x	
62	Luật sư	Sáp nhập công ty luật	1.002234.000.00.00.H50	x	
63	Luật sư	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	1.002079.000.00.00.H50	x	
64	Luật sư	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành	1.002055.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		viên			
65	Luật sư	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	1.002032.000.00.00.H50	x	
66	Luật sư	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1.002198.000.00.00.H50	x	
67	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	1.001842.000.00.00.H50	x	
68	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	1.002626.000.00.00.H50	x	
69	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	1.008727.000.00.00.H50	x	
70	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	1.001600.000.00.00.H50	x	
71	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	1.001633.000.00.00.H50	x	
72	Thừa phát lại	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	1.008928.000.00.00.H50	x	
73	Thừa phát lại	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	1.008932.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
74	Thừa phát lại	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	1.008936.000.00.00.H50	x	
75	Thừa phát lại	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	1.008927.000.00.00.H50	x	
76	Thừa phát lại	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	1.008933.000.00.00.H50	x	
77	Thừa phát lại	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	1.008930.000.00.00.H50	x	
78	Thừa phát lại	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	1.008935.000.00.00.H50	x	
79	Thừa phát lại	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	1.008925.000.00.00.H50	x	
80	Thừa phát lại	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	1.008934.000.00.00.H50	x	
81	Thừa phát lại	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	1.008929.000.00.00.H50	x	
82	Thừa phát lại	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	1.008931.000.00.00.H50	x	
83	Thừa phát lại	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	1.008937.000.00.00.H50	x	
84	Thừa phát lại	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	1.008926.000.00.00.H50	x	
85	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	2.000954.000.00.00.H50	x	
86	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	2.000840.000.00.00.H50	x	
87	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	2.000596.000.00.00.H50	x	
88	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	1.001233.000.00.00.H50	x	
89	Trọng tài thương mại	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ	1.001248.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam			
90	Trọng tài thương mại	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	1.008906.000.00.00.H50	x	
91	Trọng tài thương mại	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1.008890.000.00.00.H50	x	
92	Trọng tài thương mại	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1.008889.000.00.00.H50	x	
93	Trọng tài thương mại	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.008905.000.00.00.H50	x	
94	Trọng tài thương mại	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại	1.008904.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		Việt Nam			
95	Tư vấn pháp luật	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	1.000390.000.00.00.H50	x	
96	Tư vấn pháp luật	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	1.000426.000.00.00.H50	x	
97	Tư vấn pháp luật	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	1.000614.000.00.00.H50	x	
98	Tư vấn pháp luật	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	1.000627.000.00.00.H50	x	
99	Tư vấn pháp luật	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	1.000588.000.00.00.H50	x	
100	Tư vấn pháp luật	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	1.000404.000.00.00.H50	x	
101	Bồi thường nhà nước	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	2.002191.000.00.00.H50		x
102	Bồi thường nhà nước	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	2.002192.000.00.00.H50		x
103	Chứng thực	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2.000815.000.00.00.H50		x
104	Chứng thực	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	2.000884.000.00.00.H50		x
105	Nuôi con nuôi	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1.003160.000.00.00.H50		x
106	Nuôi con nuôi	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	1.003179.000.00.00.H50		x
107	Nuôi con nuôi	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối	1.003976.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng			
108	Nuôi con nuôi	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	1.004878.000.00.00.H50		x
109	Nuôi con nuôi	Thủ tục Xác nhận công dân Việt nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	2.002349.000.00.00.H50		x
110	Quốc tịch	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	1.005136.000.00.00.H50		x
111	Quốc tịch	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	2.001895.000.00.00.H50		x
112	Quốc tịch	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2.002036.000.00.00.H50		x
113	Quốc tịch	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2.002038.000.00.00.H50		x
114	Quốc tịch	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	2.002039.000.00.00.H50		x
115	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	2.000518.000.00.00.H50		x
116	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	2.000587.000.00.00.H50		x
117	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	2.000592.000.00.00.H50		x
118	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	2.000829.000.00.00.H50		x
119	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	2.000970.000.00.00.H50		x
120	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	2.000977.000.00.00.H50		x
121	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	2.001680.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
122	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	2.001687.000.00.00.H50		X
				100	22
IV	SỞ TÀI CHÍNH				
1	Tin học và Thống kê tài chính	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	2.002206.000.00.00.H50	x	
2	Quản lý giá	Hiệp thương giá	1.012735.H50	x	
3	Quản lý giá	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	1.012744.H50	x	
4	Đầu tư tại Việt Nam	Chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009642.000.00.00.H50	x	
5	Đầu tư tại Việt Nam	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009644.000.00.00.H50	x	
6	Đầu tư tại Việt Nam	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009645.000.00.00.H50	x	
7	Đầu tư tại Việt Nam	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009646.000.00.00.H50	x	
8	Đầu tư tại Việt Nam	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009647.000.00.00.H50	x	
9	Đầu tư tại Việt Nam	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009649.000.00.00.H50	x	
10	Đầu tư tại Việt Nam	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư	1.009650.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh			
11	Đầu tư tại Việt Nam	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009652.000.00.00.H50	x	
12	Đầu tư tại Việt Nam	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009653.000.00.00.H50	x	
13	Đầu tư tại Việt Nam	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009654.000.00.00.H50	x	
14	Đầu tư tại Việt Nam	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	1.009655.000.00.00.H50	x	
15	Đầu tư tại Việt Nam	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ -CP)	1.009656.000.00.00.H50	x	
16	Đầu tư tại Việt Nam	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa	1.009657.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ -CP)			
17	Đầu tư tại Việt Nam	Ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009661.000.00.00.H50	x	
18	Đầu tư tại Việt Nam	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009662.000.00.00.H50	x	
19	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009665.000.00.00.H50	x	
20	Đầu tư tại Việt Nam	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009671.000.00.00.H50	x	
21	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh chủ trương đầu tư	1.009664.000.00.00.H50	x	
22	Đầu tư tại Việt Nam	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009731.000.00.00.H50	x	
23	Đầu tư tại Việt Nam	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư	1.009736.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		nước ngoài trong hợp đồng BCC			
24	Đầu tư tại Việt Nam	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009659.000.00.00.H50	x	
25	Đầu tư tại Việt Nam	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	1.009729.000.00.00.H50	x	
26	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu (5)	Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập Hợp nhất, sáp nhập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý	2.000529	x	
27	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu (5)	Hợp nhất, sáp nhập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý	2.001061	x	
28	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu (5)	Chia, tách công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	2.001025	x	
29	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu (5)	Tạm ngừng kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.002395	x	
30	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu (5)	Tạm ngừng kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	2.001021	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
31	Chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại luật doanh nghiệp (3)	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	2.002665	X	
32	Chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại luật doanh nghiệp (3)	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV	2.002666	X	
33	Chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	2.002667	X	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	tại luật doanh nghiệp (3)				
34	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (7)	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	2.000024	x	
35	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (7)	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	1.000016	x	
36	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (7)	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	2.000005	x	
37	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (7)	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	2.002005	x	
38	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (7)	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	2.002004	x	
39	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (7)	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn (cấp tỉnh)	2.002003	x	
40	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (7)	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp (cấp tỉnh)	2.001999	x	
41	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	2.000416	x	
42	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	2.000375	x	
43	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	2.000368	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	ng nghiệp xã hội (51)				
44	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	2.001610	x	
45	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	2.001583	x	
46	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	2.001199	x	
47	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	2.002043	x	
48	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	2.002042	x	
49	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002041	x	
50	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1.005169	x	
51	Thành lập và hoạt động	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	2.002011	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)				
52	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2.002010	X	
53	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002009	X	
54	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	2.002008	X	
55	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.005114	X	
56	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	2.002000	X	
57	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.001996	X	
58	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	2.001993	X	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
59	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	2.002044	X	
60	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	2.001992	X	
61	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (Trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	2.001954	X	
62	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002069	X	
63	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002070	X	
64	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	2.002075	X	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính			
65	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	2.002072	X	
66	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2.002045	X	
67	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1.005176	X	
68	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	2.002085	X	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
69	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	2.002083	X	
70	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	2.002057	X	
71	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	2.002059	X	
72	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	2.002060	X	
73	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	2.002034	X	
74	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	2.002033	X	
75	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2.002032	X	
76	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do	2.002018	X	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	ngành xã hội (51)	bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác			
77	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	2.002017	x	
78	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	2.002015	x	
79	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	2.002029	x	
80	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	2.002031	x	
81	Thành lập và hoạt động	Giải thể doanh nghiệp	2.002023	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)				
82	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	2.002022	x	
83	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2.002020	x	
84	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	2.002016	x	
85	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	1.010010	x	
86	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	1.010023	x	
87	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	1.010026	x	
88	Thành lập và hoạt động	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên	1.010027	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên			
89	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	1.010029	x	
90	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	1.010030	x	
91	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội (51)	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.010031	x	
92	Đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP)	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009491.000.00.00.H50	x	
93	Đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP)	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009492.000.00.00.H50	x	
94	Đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP)	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009493.000.00.00.H50	x	
95	Đầu tư theo phương thức	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả	1.009494.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	đối tác công - tư (PPP)	thì, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất			
96	Lĩnh Vực Vốn Hỗ Trợ Phát Triển Chính Thức (Oda) Và Vốn Vay Ưu Đãi Của Các Nhà Tài Trợ Nước Ngoài; Viện Trợ Không Hoàn Lại Không Thuộc Hỗ Trợ Phát Triển Chính Thức Của Các Cơ Quan, Tổ Chức, Cá Nhân Nước Ngoài Dành Cho Việt Nam; Mục 1. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	2.002053.000.00.00.H50	X	
97	Lĩnh Vực Vốn Hỗ Trợ Phát Triển Chính Thức (Oda) Và Vốn Vay Ưu Đãi Của Các Nhà Tài Trợ Nước Ngoài; Viện Trợ Không Hoàn Lại Không Thuộc Hỗ Trợ Phát Triển	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	2.002050.000.00.00.H50	X	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	Chính Thức Của Các Cơ Quan, Tổ Chức, Cá Nhân Nước Ngoài Dành Cho Việt Nam; Mục 1. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài				
98	Lĩnh Vực Vốn Hỗ Trợ Phát Triển Chính Thức (Oda) Và Vốn Vay Ưu Đãi Của Các Nhà Tài Trợ Nước Ngoài; Viện Trợ Không Hoàn Lại Không Thuộc Hỗ Trợ Phát Triển Chính Thức Của Các Cơ Quan, Tổ Chức, Cá Nhân Nước Ngoài Dành Cho Việt Nam; Mục 1. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án	2.001991.000.00.00.H50	x	
99	Lĩnh Vực Vốn Hỗ Trợ Phát Triển Chính Thức	Lập thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền	1.008423.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	(Oda) Và Vốn Vay Ưu Đãi Của Các Nhà Tài Trợ Nước Ngoài; Viện Trợ Không Hoàn Lại Không Thuộc Hỗ Trợ Phát Triển Chính Thức Của Các Cơ Quan, Tổ Chức, Cá Nhân Nước Ngoài Dành Cho Việt Nam; Mục 1. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	của người đứng đầu cơ quan chủ quản			
100	Lĩnh Vực Vốn Hỗ Trợ Phát Triển Chính Thức (Oda) Và Vốn Vay Ưu Đãi Của Các Nhà Tài Trợ Nước Ngoài; Viện Trợ Không Hoàn Lại Không Thuộc Hỗ Trợ Phát Triển Chính Thức Của Các Cơ Quan, Tổ Chức, Cá Nhân Nước Ngoài Dành Cho Việt Nam; Mục 1. Vốn hỗ	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	2.002551	X	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài				
101	Lĩnh vực viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	2.002333		x
102	Lĩnh vực viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	2.002334		x
103	Lĩnh vực viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	2.002335		x
				100	3
V	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG				
1	Bảo vệ thực vật	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng KDTV	1.003984.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
2	Bảo vệ thực vật	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Tỉnh)	1.004493.000.00.00.H50	x	
3	Bảo vệ thực vật	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	1.004363.000.00.00.H50		x
4	Bảo vệ thực vật	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	1.004346.000.00.00.H50		x
5	Bảo vệ thực vật	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	1.007931.000.00.00.H50		x
6	Bảo vệ thực vật	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	1.007932.000.00.00.H50		x
7	Bảo vệ thực vật	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	1.007933.000.00.00.H50	x	
8	Trồng trọt	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	1.012074.H50	x	
9	Trồng trọt	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	1.012075.H50	x	
10	Trồng trọt	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	1.011999.H50	x	
11	Trồng trọt	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	1.012000.H50	x	
12	Trồng trọt	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	1.012001.H50	x	
13	Trồng trọt	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	1.012002.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
14	Trồng trọt	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	1.012003.H50	x	
15	Trồng trọt	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	1.012004.H50	x	
16	Trồng trọt	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	1.012847.H50		x
17	Trồng trọt	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên.	1.012848.H50	x	
18	Trồng trọt	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	1.008003.000.00.00.H50		x
19	Khoa học công nghệ và môi trường	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	1.009478.000.00.00.H50	x	
20	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản	2.001827.000.00.00.H50		x
21	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp đổi phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh	2.001838.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		vỏ			
22	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu hai mảnh vỏ	2.001241.000.00.00.H50		x
23	Chăn nuôi	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1.008128.000.00.00.H50		x
24	Chăn nuôi	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1.008129.000.00.00.H50	x	
25	Chăn nuôi	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	1.008126.000.00.00.H50		x
26	Chăn nuôi	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	1.008127.000.00.00.H50	x	
27	Chăn nuôi	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	1.012832.H50		x
28	Chăn nuôi	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	1.012833.H50		x
29	Chăn nuôi	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	1.012834.H50		x
30	Thú y	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	1.011475.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
31	Thú y	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	1.011477.H50	x	
32	Thú y	Cấp giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	1.011478.H50		x
33	Thú y	Cấp lại giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	1.011479.H50	x	
34	Thú y	Cấp Giấy chứng nhận Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra ngoài tỉnh	1.002338.000.00.00.H50		x
35	Thú y	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	2.000873.000.00.00.H50		x
36	Thú y	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (<i>trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y</i>)	1.005319.000.00.00.H50	x	
37	Thú y	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (<i>gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y</i>)	2.001064.000.00.00.H50	x	
38	Thú y	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	1.004022.000.00.00.H50	x	
39	Thú y	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1.001686.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
40	Thú y	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (<i>trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký</i>)	1.004839.000.00.00.H50	x	
41	Kiểm lâm	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	1.012692.H50		x
42	Kiểm lâm	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	1.012691.H50	x	
43	Kiểm lâm	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	1.012689.H50		x
44	Kiểm lâm	Quyết định giao rừng cho tổ chức	1.012688.H50	x	
45	Kiểm lâm	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	1.012690.H50	x	
46	Kiểm lâm	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	1.012413. H50	x	
47	Kiểm lâm	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	3.000160.H50	x	
48	Kiểm lâm	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	3.000159.H50	x	
49	Kiểm lâm	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	3.000152. H50		x
50	Kiểm lâm	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật	1.004815.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES			
51	Kiểm lâm	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	1.000047.H50	x	
52	Kiểm lâm	Xác nhận bảng kê lâm sản	1.000045.H50	x	
53	Kiểm lâm	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	1.012921.H50	x	
54	Kiểm lâm	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	1.012687.H50	x	
55	Kiểm lâm	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở NN&PTNT hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	1.011470.H50	x	
56	Kiểm lâm	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	3.000198.H50	x	
57	Kiểm lâm	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	1.007918.H50	x	
58	Kiểm lâm	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	1.007917.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
59	Kiểm lâm	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	1.007916.H50	x	
60	Kiểm lâm	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	1.000084.H50	x	
61	Kiểm lâm	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	1.000081.H50	x	
62	Kiểm lâm	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	1.000071.H50	x	
63	Kiểm lâm	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	1.000058.H50	x	
64	Kiểm lâm	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	1.000055.H50	x	
65	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Công nhận làng nghề truyền thống	1.003727.000.00.00.H50		x
66	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Công nhận nghề truyền thống	1.003712.000.00.00.H50		x
67	Kinh tế hợp tác và Phát	Công nhận làng nghề	1.003695.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	triển nông thôn				
68	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	1.003524.000.00.00.H50	x	
69	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Kiểm tra nhà nước về an toàn muối nhập khẩu	1.003486.000.00.00.H50	x	
70	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	1.003397.000.00.00.H50		x
71	Thủy lợi	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003188.000.00.00.H50	x	
72	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003203.000.00.00.H50	x	
73	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003211.000.00.00.H50	x	
74	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003221.000.00.00.H50	x	
75	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003232.000.00.00.H50	x	
76	Thủy lợi	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND	1.003867.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		tỉnh quản lý			
77	Thủy lợi	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003870.000.00.00.H50	x	
78	Thủy lợi	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003880.000.00.00.H50	x	
79	Thủy lợi	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003893.000.00.00.H50	x	
80	Thủy lợi	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003921.000.00.00.H50	x	
81	Thủy lợi	Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.004385.000.00.00.H50	x	
82	Thủy lợi	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; lập, bến, bãi; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò,	1.004427.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc quyền cấp phép của UBND tỉnh			
83	Thủy lợi	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001401.000.00.00.H50	x	
84	Thủy lợi	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001426.000.00.00.H50	x	
85	Thủy lợi	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001791.000.00.00.H50	x	
86	Thủy lợi	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	2.001793.000.00.00.H50	x	
87	Thủy lợi	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001795.000.00.00.H50	x	
88	Thủy lợi	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên	2.001796.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh			
89	Thủy lợi	Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	2.001804.000.00.00.H50	x	
90	Phòng, chống thiên tai	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.008408. 000.00.00 .H50		x
91	Phòng, chống thiên tai	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	1.008409. 000.00. H50		x
92	Phòng, chống thiên tai	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	1.008410. 000.00. H50	x	x
93	Đê điều	Cấp giấy phép cắt xẻ đê để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều	1.007942	x	
94	Đê điều	Cấp giấy phép khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều	1.007943	x	
95	Đê điều	Cấp giấy phép xây dựng cống qua đê; xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông	1.007944	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
96	Đê điều	Cấp giấy phép sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng	1.007945	x	
97	Đê điều	Cấp giấy phép nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều	1.007946	x	
98	Đê điều	Điều chỉnh giấy phép các hoạt động liên quan đến đê điều	1.007947	x	
99	Đê điều	Gia hạn giấy phép các hoạt động liên quan đến đê điều	1.007948	x	
100	Thủy sản	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Cấp huyện trở lên)	1.004923.000.00.00.H50		x
101	Thủy sản	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Cấp huyện trở lên)	1.004921.000.00.00.H50		x
102	Thủy sản	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	1.004918.000.00.00.H50		x
103	Thủy sản	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	1.004915.000.00.00.H50		x
104	Thủy sản	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng	1.004913.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		thủy sản (theo yêu cầu)			
105	Thủy sản	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	1.004697.000.00.00.H50		x
106	Thủy sản	Công bố mở cảng cá loại 2	1.004694.000.00.00.H50		x
107	Thủy sản	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	1.004692.000.00.00.H50	x	
108	Thủy sản	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	1.004684.000.00.00.H50	x	
109	Thủy sản	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	1.004680.000.00.00.H50	x	
110	Thủy sản	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	1.004656.000.00.00.H50	x	
111	Thủy sản	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	1.004359.000.00.00.H50	x	
112	Thủy sản	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	1.004344.000.00.00.H50	x	
113	Thủy sản	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	1.004056.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
114	Thủy sản	Xóa đăng ký tàu cá	1.003681.000.00.00.H50	x	
115	Thủy sản	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	1.003666.000.00.00.H50	x	
116	Thủy sản	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1.003650.000.00.00.H50	x	
117	Thủy sản	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1.003634.000.00.00.H50	x	
118	Thủy sản	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	1.003586.000.00.00.H50	x	
119	Thủy sản	Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	1.003593.000.00.00.H50		x
120	Thủy sản	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	1.003590.000.00.00.H50	x	
121	Thủy sản	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	1.003563.000.00.00.H50		x
122	Nông nghiệp	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	1.003388.000.00.00.H50		x
123	Nông nghiệp	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	1.003371.000.00.00.H50		x
124	Nông nghiệp	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	1.003618.000.00.00.H50		x
125	Đất đai	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	1.012821.H50		x
126	Đất đai	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng	1.012820.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		năm (Cấp Tỉnh)			
127	Đất đai	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	1.012813.H50		x
128	Đất đai	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	1.012815.H50		x
129	Đất đai	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	1.012805.H50		x
130	Đất đai	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	1.012804.H50		
131	Đất đai	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức	1.012803.H50		x
132	Đất đai	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng	1.012802.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		ngoại giao.			
133	Đất đai	Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	1.012794.H50		x
134	Đất đai	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	1.012792.H50		x
135	Đất đai	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1.012791.H50		x
136	Đất đai	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	1.012787.H50		x
137	Đất đai	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	1.012786.H50		x
138	Đất đai	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền	1.012785.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		theo quy định			
139	Đất đai	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	1.012784.H50		x
140	Đất đai	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	1.012795.H50		x
141	Đất đai	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	1.012793.H50		x
142	Đất đai	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	1.012790.H50		x
143	Đất đai	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	1.012789.H50	x	
144	Đất đai	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản	1.012788.H50		x
145	Đất đai	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	1.012783.H50		x
146	Đất đai	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	1.012782.H50		x
147	Đất đai	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	1.012781.H50		x
148	Đất đai	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền	1.012772.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng			
149	Đất đai	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức	1.012770.H50		x
150	Đất đai	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	1.012768.H50		x
151	Đất đai	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	1.012766.H50		x
152	Đất đai	Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	1.012764.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
153	Đất đai	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	1.012763.H50		x
154	Đất đai	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo	1.012759.H50		x
155	Đất đai	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	1.012758.H50		x
156	Đất đai	Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất	1.012757.H50		x
157	Đất đai	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	1.012756.H50	x	
158	Đất đai	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà	1.012755.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		đầu tư thực hiện dự án có sử dụng quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước			
159	Đất đai	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	1.012769.H50		x
160	Đất đai	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	1.012765.H50		x
161	Đất đai	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao thừa,	1.012762.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng			
162	Đất đai	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	1.012761.H50		x
163	Đất đai	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	1.012760.H50		x
164	Đất đai	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	1.012754.H50		x
165	Đất đai	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng	1.012753.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		đất			
166	Đất đai	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	1.012752.H50		x
167	Đất đai	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1.012818.H50		x
168	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	1.011671.H50	x	
169	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	1.000049.H50		x
170	Biển và Hải đảo	Công nhận khu vực biển	1.009481.000.00.00.H50		x
171	Biển và Hải đảo	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	1.005189.000.00.00.H50		x
172	Biển và Hải đảo	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	2.000472.000.00.00.H50		x
173	Biển và Hải đảo	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	1.000969.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
174	Biển và Hải đảo	Trả lại Giấy phép nhận chìm	1.000942.000.00.00.H50		x
175	Biển và Hải đảo	Cấp lại Giấy phép nhận chìm biển	2.000444.000.00.00.H50		x
176	Biển và Hải đảo	Giao khu vực biển	1.005401.000.00.00.H50		x
177	Biển và Hải đảo	Gia hạn quyết định giao khu vực biển	1.004935.000.00.00.H50		x
178	Biển và Hải đảo	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	1.005400.000.00.00.H50		x
179	Biển và Hải đảo	Trả lại khu vực biển	1.005399.000.00.00.H50		x
180	Biển và Hải đảo	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử	1.005181.000.00.00.H50	x	
181	Biển và Hải đảo	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu	1.000705.000.00.00.H50		x
182	Khí tượng thủy văn	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	1.000987.000.00.00.H50		x
183	Khí tượng thủy văn	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	1.000970.000.00.00.H50		x
184	Khí tượng thủy văn	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	1.000943.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
185	Tài nguyên nước	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1.012500.H50	x	
186	Tài nguyên nước	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.012501.H50	x	
187	Tài nguyên nước	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	1.012502.H50		x
188	Tài nguyên nước	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	1.012503.H50	x	
189	Tài nguyên nước	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	1.012504.H50	x	
190	Tài nguyên nước	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	1.012505.H50	x	
191	Tài nguyên nước	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	1.004232.000.00.00.H50		x
192	Tài nguyên nước	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	1.004228.000.00.00.H50		x
193	Tài nguyên nước	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	1.004223.000.00.00.H50		x
194	Tài nguyên nước	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày	1.004211.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		đêm			
195	Tài nguyên nước	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004122.000.00.00.H50		x
196	Tài nguyên nước	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	2.001738.000.00.00.H50		x
197	Tài nguyên nước	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004253.000.00.00.H50	x	
198	Tài nguyên nước	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	1.009669.000.00.00.H50	x	
199	Tài nguyên nước	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	2.001770.000.00.00.H50	x	
200	Tài nguyên nước	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.004283.000.00.00.H50	x	
201	Tài nguyên nước	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	1.011516.H50		x
202	Tài nguyên nước	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	1.004179.000.00.00.H50		x
203	Tài nguyên nước	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	1.004167.000.00.00.H50		x
204	Tài nguyên nước	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1.011518.H50	x	
205	Tài nguyên nước	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép	1.000824.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		khai thác tài nguyên nước			
206	Tài nguyên nước	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	2.001850.000.00.00.H50		x
207	Tài nguyên nước	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001740.000.00.00.H50		x
208	Địa chất và Khoáng sản	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản Địa chất và khoáng sản	1.004481.000.00.00.H50		x
209	Địa chất và Khoáng sản	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001814.000.00.00.H50		x
210	Địa chất và Khoáng sản	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.000778.000.00.00.H50		x
211	Địa chất và Khoáng sản	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	1.005408.000.00.00.H50		x
213	Địa chất và Khoáng sản	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	1.004433.000.00.00.H50		x
213	Địa chất và Khoáng sản	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001781.000.00.00.H50		x
214	Địa chất và Khoáng sản	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1.004343.000.00.00.H50		x
215	Địa chất và Khoáng sản	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001777.000.00.00.H50		x
216	Địa chất và Khoáng sản	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa	1.004434.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		thăm dò khoáng sản			
217	Địa chất và Khoáng sản	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	1.004135.000.00.00.H50		x
218	Địa chất và Khoáng sản	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	2.001783.000.00.00.H50		x
219	Địa chất và Khoáng sản	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	2.001787.000.00.00.H50		x
220	Địa chất và Khoáng sản	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	1.004345.000.00.00.H50		x
221	Địa chất và Khoáng sản	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	1.004446.000.00.00.H50		x
222	Địa chất và Khoáng sản	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	1.004083.000.00.00.H50		x
223	Địa chất và Khoáng sản	Đóng cửa mỏ khoáng sản	1.004367.000.00.00.H50		x
224	Địa chất và Khoáng sản	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao	1.004132.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch			
225	Môi trường	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.010733.000.00.00.H50		x
226	Môi trường	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	1.004240.000.00.00.H50		x
227	Môi trường	Cấp giấy phép môi trường	1.010727.000.00.00.H50		x
228	Môi trường	Cấp đổi giấy phép môi trường	1.010728.000.00.00.H50	x	
229	Môi trường	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	1.010729.000.00.00.H50	x	
230	Môi trường	Cấp lại giấy phép môi trường	1.010730.000.00.00.H50		X
				100	130
VI	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				
1	Đào tạo với nước ngoài	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.000718.000.00.00.H50	x	
2	Đào tạo với nước ngoài	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.001495.000.00.00.H50	x	
3	Đào tạo với nước ngoài	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của	1.001496.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		các bên liên kết			
4	Đào tạo với nước ngoài	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	1.001497.000.00.00.H50	x	
5	Đào tạo với nước ngoài	Phê duyệt liên kết giáo dục	1.001499.000.00.00.H50	x	
6	Đào tạo với nước ngoài	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.006446.000.00.00.H50	x	
7	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	1.000288.000.00.00.H50	x	
8	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000715.000.00.00.H50	x	
9	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000713.000.00.00.H50	x	
10	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1.000280.000.00.00.H50	x	
11	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	1.000691.000.00.00.H50	x	
12	Giáo dục và Đào tạo	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất	1.000711.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	lượng giáo dục			
13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	1.000181.000.00.00.H50	x	
14	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	1.000259.000.00.00.H50	x	
15	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.000716.000.00.00.H50	x	
16	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	1.000729.000.00.00.H50	x	
17	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.000939.000.00.00.H50	x	
18	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	1.001000.000.00.00.H50	x	
19	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	1.001088.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
20	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	1.001492.000.00.00.H50	x	
21	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Chấm dứt hoạt động của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.001493.000.00.00.H50	x	
22	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	1.003734.000.00.00.H50	x	
23	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	1.004435.000.00.00.H50	x	
24	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1.001714.000.00.00.H50	x	
25	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Xét, cấp học bổng chính sách	1.002407.000.00.00.H50	x	
26	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	1.002982.000.00.00.H50	x	
27	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục	Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	1.004436.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	quốc dân				
28	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viên, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	1.009002.000.00.00.H50	x	
29	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	1.008722.000.00.00.H50	x	
30	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và trường phổ thông tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	1.008723.000.00.00.H50	x	
31	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1.005143.000.00.00.H50	x	
32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	1.005144.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
33	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh	2.002593.H50	x	
34	Giáo dục trung học	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	1.012954.H50	x	
35	Giáo dục trung học	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	1.012955.H50	x	
36	Giáo dục trung học	Cho phép trường trung học phổ thông, trường trung học phổ thông có nhiều cấp học có cấp cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	1.012953.H50	x	
37	Giáo dục trung học	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học phổ thông	1.012944.H50	x	
38	Giáo dục trung học	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	1.012956.H50	x	
39	Giáo dục Trung học	Tuyển sinh trung học phổ thông	3.000181.000.00.00.H50	x	
40	Giáo dục Trung học	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	2.002478.000.00.00.H50	x	
41	Giáo dục Trung học	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	2.002479.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
42	Giáo dục Trung học	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	2.002480.000.00.00.H50	x	
43	Văn bằng chứng chỉ	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	1.004889.000.00.00.H50	x	
44	Văn bằng chứng chỉ	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	1.005092.000.00.00.H50	x	
45	Văn bằng chứng chỉ	Chỉnh sửa nội dung văn bằng chứng chỉ	2.001914.000.00.00.H50	x	
46	Thi, tuyển sinh	Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT	1.005090.000.00.00.H50	x	
47	Thi, tuyển sinh	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	1.005095.000.00.00.H50	x	
48	Thi, tuyển sinh	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	1.005098.000.00.00.H50	x	
49	Thi, tuyển sinh	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	1.005142.000.00.00.H50	x	
50	Thi, tuyển sinh	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	1.009394.000.00.00.H50	x	
51	Thi, tuyển sinh	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học	2.001806.000.00.00.H50	x	
52	Giáo dục thường xuyên	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	3.000311.H50	x	
53	Giáo dục thường xuyên	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	3.000312.H50	x	
54	Giáo dục thường xuyên	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	3.000313.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
55	Giáo dục thường xuyên	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	3.000314.H50	x	
56	Giáo dục thường xuyên	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	3.000315.H50	x	
57	Giáo dục thường xuyên	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	3.000316.H50	x	
58	Giáo dục thường xuyên	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	3.000317.H50	x	
59	Giáo dục thường xuyên	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	3.000318.H50	x	
60	Giáo dục thường xuyên	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	1.012957.H50	x	
61	Giáo dục thường xuyên	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	3.000319.H50	x	
62	Giáo dục thường xuyên	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	3.000320.H50	x	
63	Giáo dục thường xuyên	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	1.012988.H50	x	
64	Các cơ sở giáo dục khác	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	1.012960.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
65	Các cơ sở giáo dục khác	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	1.012958.H50	x	
66	Các cơ sở giáo dục khác	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	1.012959.H50	x	
67	Các cơ sở giáo dục khác	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	3.000297.H50	x	
68	Các cơ sở giáo dục khác	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	3.000298.H50	x	
69	Các cơ sở giáo dục khác	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	3.000299.H50	x	
70	Các cơ sở giáo dục khác	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	3.000300.H50	x	
71	Các cơ sở giáo dục khác	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	3.000301.H50	x	
72	Các cơ sở giáo dục khác	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	3.000302.H50	x	
73	Các cơ sở giáo dục khác	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	3.000303.H50	x	
74	Các cơ sở giáo dục khác	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	3.000304.H50	x	
75	Các cơ sở giáo dục khác	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	3.000305.H50	x	
76	Các cơ sở giáo dục khác	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người	3.000306.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông			
77	Các cơ sở giáo dục khác	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	1.005061.000.00.00.H50	x	
78	Các cơ sở giáo dục khác	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	2.001987.000.00.00.H50	x	
79	Các cơ sở giáo dục khác	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	1.004988.000.00.00.H50	x	
80	Các cơ sở giáo dục khác	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	1.004991.000.00.00.H50	x	
81	Các cơ sở giáo dục khác	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	1.004999.000.00.00.H50	x	
82	Các cơ sở giáo dục khác	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	1.005008.000.00.00.H50	x	
83	Lĩnh vực Thi, Tuyển sinh	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	1.013338.H50	x	
84	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.001959.H50		x
85	Giáo dục nghề nghiệp	Công nhận giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp tư thực	2.000632.H50	x	
86	Giáo dục nghề nghiệp	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.010587.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
87	Giáo dục nghề nghiệp	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.010588.000.00.00.H50	x	
88	Giáo dục nghề nghiệp	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.010589.000.00.00.H50	x	
89	Giáo dục nghề nghiệp	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập (<i>Cấp tỉnh, huyện</i>)	1.010590.000.00.00.H50	x	
90	Giáo dục nghề nghiệp	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập (<i>Cấp tỉnh, huyện</i>)	1.010591.000.00.00.H50	x	
91	Giáo dục nghề nghiệp	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập (<i>Cấp tỉnh, huyện</i>)	1.010592.000.00.00.H50	x	
92	Giáo dục nghề nghiệp	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	1.010593.000.00.00.H50	x	
93	Giáo dục nghề nghiệp	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	1.010594.000.00.00.H50	x	
94	Giáo dục nghề nghiệp	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	1.010595.000.00.00.H50	x	
95	Giáo dục nghề nghiệp	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	1.010596.000.00.00.H50	x	
96	Giáo dục nghề nghiệp	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp,	1.000243.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			
97	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	2.000189.000.00.00.H50	x	
98	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	1.000389.000.00.00.H50	x	
99	Giáo dục nghề nghiệp	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.000099.000.00.00.H50	x	
100	Giáo dục nghề nghiệp	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.000031.000.00.00.H50	x	
101	Giáo dục nghề nghiệp	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường	1.000234.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			
102	Giáo dục nghề nghiệp	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn	1.010927.000.00.00.H50	x	
103	Giáo dục nghề nghiệp	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.000266.000.00.00.H50	x	
104	Giáo dục nghề nghiệp	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	1.000482.000.00.00.H50		x
105	Giáo dục nghề nghiệp	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	1.000509.000.00.00.H50		x
106	Giáo dục nghề nghiệp	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	1.000160.000.00.00.H50		x
107	Giáo dục nghề nghiệp	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000138.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
108	Giáo dục nghề nghiệp	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000530.000.00.00.H50	x	
109	Giáo dục nghề nghiệp	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000553.000.00.00.H50	x	
110	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	1.000167.000.00.00.H50	x	
111	Giáo dục nghề nghiệp	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	1.010928.000.00.00.H50	x	
112	Giáo dục nghề nghiệp	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000154.000.00.00.H50	x	
				107	05
VII	SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH				
1	Di sản văn hóa	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	2.001631.000.00.00.H50	x	
2	Di sản văn hóa	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước	1.003838.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương			
3	Di sản văn hóa	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	1.003793.000.00.00.H50	x	
4	Di sản văn hóa	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	1.003738.000.00.00.H50	x	
5	Di sản văn hóa	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	1.001123.000.00.00.H50	x	
6	Di sản văn hóa	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	1.001822.000.00.00.H50	x	
7	Di sản văn hóa	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	1.002003.000.00.00.H50	x	
8	Di sản văn hóa	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	1.003901.000.00.00.H50	x	
9	Di sản văn hóa	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	2.001641.000.00.00.H50	x	
10	Di sản văn hóa	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	1.013456.H50	x	
11	Điện ảnh	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.011454.000.00.00.H50	x	
12	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	1.001833.000.00.00.H50	x	
13	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)	1.001809.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
14	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	1.001778.000.00.00.H50	x	
15	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	1.001755.000.00.00.H50	x	
16	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001738.000.00.00.H50	x	
17	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001704.000.00.00.H50	x	
18	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001671.000.00.00.H50	x	
19	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1.001229.000.00.00.H50	x	
20	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001211.000.00.00.H50	x	
21	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1.001191.000.00.00.H50	x	
22	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001182.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
23	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001147.000.00.00.H50	x	
24	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	2.001496.000.00.00.H50	x	
25	Nghệ thuật biểu diễn	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	1.009397.000.00.00.H50	x	
26	Nghệ thuật biểu diễn	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	1.009398.000.00.00.H50	x	
27	Nghệ thuật biểu diễn	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	1.009399.000.00.00.H50	x	
28	Nghệ thuật biểu diễn	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	1.009403.000.00.00.H50	x	
29	Văn hóa cơ sở	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	1.003676.000.00.00.H50	x	
30	Văn hóa cơ sở	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	1.003654.000.00.00.H50	x	
31	Văn hóa cơ sở	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	1.004650.000.00.00.H50	x	
32	Văn hóa cơ sở	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	1.004645.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
33	Văn hóa cơ sở	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004639.000.00.00.H50	x	
34	Văn hóa cơ sở	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004666.000.00.00.H50	x	
35	Văn hóa cơ sở	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004662.000.00.00.H50	x	
36	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.003784.000.00.00.H50	x	
37	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương	1.003743.000.00.00.H50	x	
38	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	1.003560.000.00.00.H50	x	
39	Thi đua, khen thưởng	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”	1.001376.000.00.00.H50	x	
40	Thi đua, khen thưởng	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”	1.001108.000.00.00.H50	x	
41	Thi đua, khen thưởng	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học nghệ thuật	1.000871.000.00.00.H50	x	
42	Thi đua, khen thưởng	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học	1.000564.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		nghệ thuật			
43	Thư viện	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008895.000.00.00.H50	x	
44	Thư viện	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008896.000.00.00.H50	x	
45	Thư viện	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008897.000.00.00.H50	x	
46	Gia đình	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012080.H50	x	
47	Gia đình	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012081.H50	x	
48	Gia đình	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012082.H50	x	
49	Hợp tác quốc tế	Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi	1.006412.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam			
50	Hợp tác quốc tế	Cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	1.001802.H50	x	
51	Hợp tác quốc tế	Gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	1.001091.H50	x	
52	Thể dục, Thể thao	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	1.003441.000.00.00.H50	x	
53	Thể dục, Thể thao	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000983.000.00.00.H50	x	
54	Thể dục, Thể thao	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	1.002022.000.00.00.H50	x	
55	Thể dục, Thể thao	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	1.002013.000.00.00.H50	x	
56	Thể dục, Thể thao	Thủ tục đăng cai giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001782.000.00.00.H50	x	
57	Lữ hành	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	2.001628.000.00.00.H50	x	
58	Lữ hành	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	2.001616.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
59	Lữ hành	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	2.001622.000.00.00.H50	x	
60	Lữ hành	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	2.001611.000.00.00.H50	x	
61	Lữ hành	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	2.001589.000.00.00.H50	x	
62	Lữ hành	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	1.003742.000.00.00.H50	x	
63	Lữ hành	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.001837.000.00.00.H50	x	
64	Lữ hành	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	1.001440.000.00.00.H50	x	
65	Lữ hành	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	1.004605.000.00.00.H50	x	
66	Lữ hành	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.003717.000.00.00.H50	x	
67	Lữ hành	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	1.003240.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
68	Lữ hành	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	1.003275.000.00.00.H50	x	
69	Lữ hành	Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.005161.000.00.00.H50	x	
70	Lữ hành	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.003002.000.00.00.H50	x	
71	Lữ hành	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	1.004628.000.00.00.H50	x	
72	Lữ hành	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	1.004623.000.00.00.H50	x	
73	Lữ hành	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	1.001432.000.00.00.H50	x	
74	Lữ hành	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	1.004614.000.00.00.H50	x	
75	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	2.001765.000.00.00.H50	x	
76	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	1.003384.000.00.00.H50	x	
77	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	2.001098.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
78	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	1.005452.000.00.00.H50	x	
79	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	2.001091.000.00.00.H50	x	
80	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	2.001087.000.00.00.H50	x	
81	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Cấp Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.002001.000.00.00.H50	x	
82	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.001976.000.00.00.H50	x	
83	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Gia hạn Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	2.002738.000.00.00.H50	x	
84	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.001988.000.00.00.H50	x	
85	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.004508.000.00.00.H50	x	
86	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	2.002739.000.00.00.H50	x	
87	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Cấp lại Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	2.002740.000.00.00.H50	x	
88	Lĩnh vực Báo chí	Cấp Giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	1.009374.000.00.00.H50	x	
89	Lĩnh vực Báo chí	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong Giấy	1.009386.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		phép xuất bản bản tin (địa phương)			
90	Lĩnh vực Báo chí	Thủ tục cho phép hợp báo (trong nước)	2.001171.000.00.00.H50	x	
91	Lĩnh vực Báo chí	Thủ tục cho phép hợp báo (nước ngoài)	2.001173.000.00.00.H50	x	
92	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	1.003868.000.00.00.H50	x	
93	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	2.001594.000.00.00.H50	x	
94	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	2.001584.000.00.00.H50	x	
95	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Cấp đổi Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	1.003729.000.00.00.H50	x	
96	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	2.001564.000.00.00.H50	x	
97	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Cấp Giấy phép hoạt động in	1.004153.000.00.00.H50	x	
98	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Cấp lại Giấy phép hoạt động in	2.001744.000.00.00.H50	x	
99	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	2.001740.000.00.00.H50	x	
100	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	2.001737.000.00.00.H50	x	
101	Lĩnh vực Xuất bản, In và	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh	1.003725.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	Phát hành	doanh			
102	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	1.003483.000.00.00.H50	x	
103	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	1.003114.000.00.00.H50	x	
104	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	1.008201.000.00.00.H50	x	
105	Lĩnh vực Thông tin Đối ngoại	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	1.003888.000.00.00.H50	x	
106	Di sản văn hóa	Di sản văn hóa Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	2.001613.000.00.00.H50		x
107	Di sản văn hóa	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	1.003646.000.00.00.H50		x
108	Di sản văn hóa	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	1.003835.000.00.00.H50		x
109	Di sản văn hóa	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	1.001106.000.00.00.H50		x
110	Di sản văn hóa	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	2.001591.000.00.00.H50		x
111	Thi đua khen thưởng	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	1.001032. H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
112	Thi đua khen thưởng	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	1.000971.H50		x
113	Văn hoá	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	1.001029.H50		x
114	Văn hoá	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1.001008.H50		x
115	Văn hoá	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	1.000963.H50		x
116	Văn hoá	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1.000922.H50		x
117	Thể dục thể thao	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	1.002445.000.00.00.H50		x
118	Thể dục thể thao	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	1.002396.000.00.00.H50		x
119	Thể dục thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	1.000953.000.00.00.H50		x
120	Thể dục thể thao	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	1.000936.000.00.00.H50		x
121	Thể dục thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	1.000920.000.00.00.H50		x
122	Thể dục thể thao	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	1.001195.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
123	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	1.000904.000.00.00.H50		x
124	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	1.000883.000.00.00.H50		x
125	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker	1.000863.000.00.00.H50		x
126	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	1.000847.000.00.00.H50		x
127	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	1.000830.000.00.00.H50		x
128	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	1.000814.000.00.00.H50		x
129	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thẻ dực thẩm mỹ	1.000644.000.00.00.H50		x
130	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	1.000842.000.00.00.H50		x
131	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thẻ dực thể hình và Fitness	1.005163.000.00.00.H50		x
132	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	2.002188.000.00.00.H50		x
133	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	1.000594.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
134	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	1.000560.000.00.00.H50		x
135	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	1.000544.000.00.00.H50		x
136	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	1.001213.000.00.00.H50		x
137	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	1.000518.000.00.00.H50		x
138	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	1.000501.000.00.00.H50		x
139	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	1.000485.000.00.00.H50		x
140	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	1.005357.000.00.00.H50		x
141	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	1.001801.000.00.00.H50		x
142	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	1.001500.000.00.00.H50		x
143	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	1.005162.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
144	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	1.001517.000.00.00.H50		x
145	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	1.001527.000.00.00.H50		x
146	Thẻ dực thể thao	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	1.001056.000.00.00.H50		x
147	Lữ hành	Thủ tục công nhận điểm du lịch	1.004528.000.00.00.H50		x
148	Lữ hành	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	1.003490.000.00.00.H50		x
149	Dịch vụ du lịch khác	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004551.000.00.00.H50		x
150	Dịch vụ du lịch khác	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004503.000.00.00.H50		x
151	Dịch vụ du lịch khác	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.001455.000.00.00.H50		x
152	Dịch vụ du lịch khác	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004580.000.00.00.H50		x
153	Dịch vụ du lịch khác	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004572.000.00.00.H50		x
154	Dịch vụ du lịch khác	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự	1.004594.000.00.00.H50		X

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)			
				105	49
VIII	SỞ Y TẾ				
1	Khám bệnh, chữa bệnh	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	1.012256.H50	x	
2	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012271.H50	x	
3	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012272.H50	x	
4	Khám bệnh, chữa bệnh	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012273.H50	x	
5	Khám bệnh, chữa bệnh	Đăng ký hành nghề	1.012275.H50	x	
6	Khám bệnh, chữa bệnh	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	1.012276.H50	x	
7	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp mới giấy phép hoạt động	1.012278.H50	x	
8	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp lại giấy phép hoạt động	1.012279.H50	x	
9	Khám bệnh, chữa bệnh	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.012280.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
10	Khám bệnh, chữa bệnh	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	1.012281.H50	x	
11	Khám bệnh, chữa bệnh	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.	1.012257.H50	x	
12	Khám bệnh, chữa bệnh	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	1.012258.H50	x	
13	Khám bệnh, chữa bệnh	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	1.012260.H50	x	
14	Khám bệnh, chữa bệnh	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	1.012261.H50	x	
15	Khám bệnh, chữa bệnh	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	1.012262.H50	x	
16	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012289.H50	x	
17	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được	1.012290.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng			
18	Khám bệnh, chữa bệnh	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012291.H50	x	
19	Khám bệnh, chữa bệnh	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012292.H50	x	
20	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000562.000.00.00.H50	x	
21	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	1.006780.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
22	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.002464.000.00.00.H50	x	
23	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	1.000511.000.00.00.H50	x	
24	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	1.001138.000.00.00.H50		x
25	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	2.000552.000.00.00.H50		x
26	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	2.000559.000.00.00.H50		x
27	Y dược cổ truyền	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	1.012417.H50	x	
28	Y dược cổ truyền	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012418.H50	x	
29	Y dược cổ truyền	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012419.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
30	Y dược cổ truyền	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	1.012416.H50	x	
31	Y dược cổ truyền	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	1.012415.H50	x	
32	Y dược cổ truyền	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	1.009407.000.00.00.H50	x	
33	Y tế Dự phòng	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	2.000655.000.00.00.H50	x	
34	Y tế Dự phòng	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.002944.000.00.00.H50	x	
35	Y tế Dự phòng	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003958.000.00.00.H50	x	
36	Y tế Dự phòng	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	1.002467.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
37	Y tế Dự phòng	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	1.003580.000.00.00.H50	x	
38	Y tế Dự phòng	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS	1.000844.000.00.00.H50	x	
39	Y tế dự phòng	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	1.013034.H50	x	
40	Y tế dự phòng	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	1.013035.H50	x	
41	Y tế dự phòng	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	1.013036.H50	x	
42	Y tế dự phòng	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	1.013037.H50	x	
43	Y tế dự phòng	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	2.002683.H50	x	
44	Y tế dự phòng	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	2.002684.H50	x	
45	Y tế dự phòng	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	2.002685.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
46	Y tế dự phòng	Công bố đủ điều kiện thực hiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.004070.H50	x	
47	Y tế dự phòng	Công bố đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.004062.H50	x	
48	Y tế dự phòng	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	1.001386.000.00.00.H50		x
49	Dược phẩm	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	1.004616.000.00.00.H50	x	
50	Dược phẩm	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	1.004604.000.00.00.H50	x	
51	Dược phẩm	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	1.004599.000.00.00.H50	x	
52	Dược phẩm	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	1.004596.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
53	Dược phẩm	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004576.000.00.00.H50	x	
54	Dược phẩm	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004571.000.00.00.H50	x	
55	Dược phẩm	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	1.004557.000.00.00.H50	x	
56	Dược phẩm	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược	1.004532.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)			
57	Dược phẩm	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.004529.000.00.00.H50	x	
58	Dược phẩm	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	1.004449.000.00.00.H50	x	
59	Dược phẩm	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	1.004087.000.00.00.H50	x	
60	Dược phẩm	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	1.003963.000.00.00.H50	x	
61	Dược phẩm	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	1.003613.000.00.00.H50	x	
62	Dược phẩm	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc	1.009407.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý Sở Y tế			
63	Dược phẩm	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	1.001893.000.00.00.H50	x	
64	Dược phẩm	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	1.004516.000.00.00.H50	x	
65	Dược phẩm	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	1.004459.000.00.00.H50	x	
66	Dược phẩm	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT	1.002934.000.00.00.H50	x	
67	Dược phẩm	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT	1.002235.000.00.00.H50	x	
68	Dược phẩm	Cung cấp thuốc phóng xạ	1.001396.H50	x	
69	Dược phẩm	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.002399.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
70	Dược phẩm	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	1.003001.000.00.00.H50		x
71	Dược phẩm	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.	1.002952.000.00.00.H50		x
72	Dược phẩm	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	1.002258.000.00.00.H50		x
73	Dược phẩm	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại	1.002339.000.00.00.H50		x
74	Dược phẩm	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	1.002292.000.00.00.H50		x
75	Dược phẩm	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược	1.004593.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)			
76	Dược phẩm	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)	1.004585.000.00.00.H50		x
77	Mỹ phẩm	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003073.000.00.00.H50	x	
78	Mỹ phẩm	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	1.002483.000.00.00.H50	x	
79	Mỹ phẩm	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	1.009566.000.00.00.H50	x	
80	Mỹ phẩm	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003055.000.00.00.H50		x
81	An toàn vệ sinh thực phẩm - Dinh dưỡng	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.003348.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
82	An toàn vệ sinh thực phẩm - Dinh dưỡng	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.003332.000.00.00.H50	x	
83	An toàn vệ sinh thực phẩm - Dinh dưỡng	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.003108.000.00.00.H50	x	
84	An toàn vệ sinh thực phẩm - Dinh dưỡng	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	1.002425.000.00.00.H50		x
85	Trang thiết bị và công trình Y tế	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	1.003039.000.00.00.H50	x	
86	Trang thiết bị và công trình Y tế	Công bố tiêu chuẩn áp dụng với trang thiết bị y tế thuộc loại A	1.003029.000.00.00.H50	x	
87	Thiết bị Y tế	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	1.003006.000.00.00.H50	x	
88	Đào tạo, nghiên cứu khoa học và Công nghệ thông tin	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	1.004539.000.00.00.H50	x	
89	Thi đua Khen thưởng	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	1.009249.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
90	Phòng chống tệ nạn xã hội	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000027.000.00.00.H50	x	
91	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000032.000.00.00.H50	x	
92	Phòng chống tệ nạn xã hội	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân”	2.000036.000.00.00.H50	x	
93	Phòng chống tệ nạn xã hội	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	1.000091.000.00.00.H50	x	
94	Phòng chống tệ nạn xã hội	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000025.000.00.00.H50		x
95	Bảo trợ xã hội	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	1.001806.000.00.00.H50	x	
96	Bảo trợ xã hội	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2.000056.000.00.00.H50	x	
97	Bảo trợ xã hội	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế	2.000062.000.00.00.H50	x	
98	Bảo trợ xã hội	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	2.000282.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
99	Bảo trợ xã hội	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	2.000477.000.00.00.H50	x	
100	Bảo trợ xã hội	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2.000135.000.00.00.H50	x	
101	Bảo trợ xã hội	Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	1.012991.H50	x	
102	Bảo trợ xã hội	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	1.012992.H50	x	
103	Bảo trợ xã hội	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	1.01299.H50	x	
104	Bảo trợ xã hội	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	1.01299.H50	x	
105	Bảo trợ xã hội	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Y tế cấp	2.000051.000.00.00.H50		x
106	Bảo trợ xã hội	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	1.012993.H50		x
107	Bảo trợ xã hội	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	2.000286.000.00.00.H50		x
108	Bảo trợ xã hội	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
109	Bảo trợ xã hội	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.001758.000.00.00.H50		x
110	Bảo trợ xã hội	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001753.000.00.00.H50		x
111	Bảo trợ xã hội	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731.000.00.00.H50		x
112	Bảo trợ xã hội	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	2.000777.000.00.00.H50		x
113	Bảo trợ xã hội	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744.000.00.00.H50		x
114	Bảo trợ xã hội	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739.000.00.00.H50		x
115	Bảo trợ xã hội	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế cấp	2.000684.000.00.00.H50	x	
116	Bảo trợ xã hội	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế	2.000298.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
117	Bảo trợ xã hội	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	2.000294.000.00.00.H50	x	
118	Bảo trợ xã hội	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	2.000669.000.00.00.H50		x
119	Bảo trợ xã hội	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699.000.00.00.H50		x
120	Bảo trợ xã hội	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653.000.00.00.H50		x
121	Bảo trợ xã hội	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355.000.00.00.H50		x
122	Bảo trợ xã hội	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751.000.00.00.H50		x
123	Trẻ em	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	1.012091.H50	x	
124	Trẻ em	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2.001944.000.00.00.H50	x	
125	Trẻ em	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	2.001942.000.00.00.H50		x
126	Trẻ em	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế	1.004941.000.0 0.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		không phải là người thân thích của trẻ em			
127	Giám định Y khoa	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định	1.011800.H50		x
128	Giám định Y khoa	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	1.011799.H50		x
129	Giám định Y khoa	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	1.011798.H50		x
130	Giám định Y khoa	Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai	1.002190.000.00.00.H50		x
131	Giám định Y khoa	Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp	1.002694.000.00.00.H50		x
132	Giám định Y khoa	Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát			x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
			1.002136.000.00.00.H50		
133	Giám định Y khoa	Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động	1.002146.000.00.00.H50		x
134	Giám định Y khoa	Khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần	1.002168.000.00.00.H50		x
135	Giám định Y khoa	Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động	1.002706.000.00.00.H50		x
136	Giám định Y khoa	Khám giám định tổng hợp	1.002118.000.00.00.H50		x
137	Giám định Y khoa	Khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động	1.002671.000.00.00.H50		x
138	Giám định Y khoa	Khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất	1.002208.000.00.00.H50		x
139	Giám định Y khoa	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật	1.000281.000.00.00.H50		X
				95	44
IX	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ				
1	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	1.001392	x	
2	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	2.001259	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
3	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	2.001209	x	
4	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	2.001277	x	
5	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	. Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	1.000449	x	
6	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	1.000449	x	
7	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	2.001207	x	
8	An toàn bức xạ hạt nhân	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	2.002385	x	
9	Sở hữu trí tuệ	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	1.011939	x	
10	Sở hữu trí tuệ	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	1.011937	x	
11	Sở hữu trí tuệ	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	1.011938	x	
12	Hoạt động Khoa học và	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử	2.002724	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	Công nghệ	dụng ngân sách nhà nước			
13	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	2.002723.H50	x	
14	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	2.002722.H50	x	
15	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	2.002711.H50	x	
16	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	2.002710.H50	x	
17	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	2.002709.H50	x	
18	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	1.012353.H50	x	
19	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	3.000259.H50	x	
20	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp	1.011820.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		tỉnh)			
21	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	1.006427.000.00.00.H50	x	
22	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	1.001786.000.00.00.H50	x	
23	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001677.000.00.00.H50	x	
24	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001716.000.00.00.H50	x	
25	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)	2.002278.000.00.00.H50	x	
26	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	1.011814.H50	x	
27	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	2.002546.H50	x	
28	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ	2.002544.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	Công nghệ	khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)			
29	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	2.002548.H50	x	
30	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	1.011812.H50	x	
31	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.011818.H50	x	
32	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến(Cấp tỉnh)	1.011815.H50	x	
33	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	2.001525.000.00.00.H50	x	
34	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng,	2.002144.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		sức khỏe con người.			
35	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	1.001747.000.00.00.H50	x	
36	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	2.001179.000.00.00.H50	x	
37	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	2.002249.000.00.00.H50	x	
38	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	1.001770.000.00.00.H50	x	
39	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001693.000.00.00.H50	x	
40	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.	1.002690.000.00.00.H50	x	
41	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.	2.001143.000.00.00.H50	x	
42	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	2.002248.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
43	Bru chính	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động Bru chính (cấp Tỉnh)	1.010902.000.00.00.H50	x	
44	Bru chính	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động Bru chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	1.005442.000.00.00.H50	x	
45	Bru chính	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động Bru chính (cấp tỉnh)	1.004470.000.00.00.H50	x	
46	Bru chính	Cấp lại giấy phép Bru chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	1.004379.000.00.00.H50	x	
47	Bru chính	Sửa đổi, bổ sung giấy phép Bru chính (cấp tỉnh)	1.003687.000.00.00.H50	x	
48	Bru chính	Cấp giấy phép Bru chính (cấp tỉnh)	1.003659.000.00.00.H50	x	
49	Bru chính	Cấp lại giấy phép Bru chính khi hết hạn (cấp tỉnh)	1.003633.000.00.00.H50	x	
51	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh)	2.001501		x
52	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	2.001269		x
53	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh)	2.001208		x
54	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (cấp tỉnh)	2.001100		X
55	An toàn bức xạ hạt nhân	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002382		x
56	An toàn bức xạ hạt nhân	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng	2.002380		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế			
57	An toàn bức xạ hạt nhân	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002383		x
58	An toàn bức xạ hạt nhân	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002381		X
59	An toàn bức xạ hạt nhân	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế An toàn bức xạ và hạt nhân	2.002384		x
60	Quản lý công sản	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	1.006222		x
61	Quản lý công sản	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	1.006221		x
62	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước	1.011819		X
63	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm năng	2.000079		x
64	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Thủ tục Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ	2.001137		x
65	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ	2.001643		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
				49	15
X	SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO				
1	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	1.012672.H50	x	
2	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012664.H50	x	
3	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012661.H50	x	
4	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xoá án tích.	1.012659.H50	x	
5	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	1.012658.H50	x	
6	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	1.012657.H50	x	
7	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	1.012656.H50	x	
8	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại	1.012653.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác			
9	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	1.012651.H50	x	
10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	1.012648.H50	x	
11	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012646.H50	x	
12	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012645.H50	x	
13	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.012644.H50	x	
14	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (thuộc thẩm quyền tiếp nhận của 02 cơ quan)	1.012642.H50	x	
15	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012641.H50	x	
16	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị tự giải thể của tổ chức tôn giáo có địa	1.012639.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương			
17	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức.	1.012637.H50	x	
18	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	1.012635.H50	x	
19	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đối với trường hợp quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP	1.012634.H50	x	
20	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012632.H50	x	
21	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.	1.012631.H50	x	
22	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.	1.012630.H50	x	
23	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại	1.012629.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		khoản 2 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo			
24	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012628.H50	x	
25	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của luật Tín ngưỡng, tôn giáo	1.012626.H50	x	
26	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo về người bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012625.H50	x	
27	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.	1.012624.H50	x	
28	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.	1.012622.H50	x	
29	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn	1.012621.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		giáo			
30	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành.	1.012620.H50	x	
31	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.	1.012619.H50	x	
32	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012617.H50	x	
33	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	1.012616.H50	x	
34	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh.	1.012615.H50	x	
35	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh.	1.012613.H50	x	
36	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	1.012608.H50	x	
37	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng	1.012607.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh.			
38	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh.	1.012606.H50	x	
39	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh.	1.012605.H50	x	
40	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo về việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức các nghi lễ tôn giáo hoặc cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012604.H50	x	
				40	
XI	SỞ CÔNG THƯƠNG				
1	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013400.H50	x	
2	An toàn đập, hồ chứa	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa	1.013399.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	thủy điện	thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			
3	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013398.H50	x	
4	Điện	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	1.013420.H50	x	
5	Điện	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013421.H50	x	
6	Điện	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013419.H50	x	
7	Điện	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013418.H50	x	
8	Điện	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	1.013417.H50	x	
9	Điện	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013416.H50	x	
10	Điện	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013412.H50	x	
11	Điện	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013411.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
12	Điện	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013401.H50	x	
13	Điện lực	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	1.013395.H50	x	
14	Điện lực	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	1.013394.H50	x	
15	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	1.000965.H50	x	
16	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	1.000998.H50	x	
17	Điện lực	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	2.002676.H50	x	
18	Điện lực	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	1.013005.H50	x	
19	Điện lực	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	1.013004.H50	x	
20	Xúc tiến thương mại	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	2.002608.H50	x	
21	Xúc tiến thương mại	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	2.002607.H50	x	
22	Xúc tiến thương mại	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	2.002606.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
23	Xúc tiến thương mại	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	2.002605.H50	x	
24	Xúc tiến thương mại	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	2.002604.H50	x	
25	Thương mại quốc tế	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	2.000272.000.00.00.H50	x	
26	Hóa chất	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.000652.000.00.00.H50	x	
27	Hóa chất	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001172.000.00.00.H50	x	
28	Hóa chất	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001161.000.00.00.H50	x	
29	Thương mại quốc tế	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	2.000662.000.00.00.H50	x	
30	Thương mại quốc tế	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	1.001441.000.00.00.H50	x	
31	Thương mại quốc tế	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2.000665.000.00.00.H50	x	
32	Thương mại quốc tế	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	2.002166.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
33	Thương mại quốc tế	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2.000339.000.00.00.H50	x	
34	Thương mại quốc tế	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	1.000774.000.00.00.H50	x	
35	An toàn thực phẩm	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	2.000535.000.00.00.H50	x	
36	Thương mại quốc tế	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000347.000.00.00.H50	x	
37	Thương mại quốc tế	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000450.000.00.00.H50	x	
38	Giám định thương mại	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	1.005190.000.00.00.H50	x	
39	Khoa học, công nghệ	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	2.000046.000.00.00.H50	x	
40	Quản lý Cạnh tranh	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	2.000191.000.00.00.H50	x	
41	Thương mại quốc tế	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000327.000.00.00.H50	x	
42	Thương mại quốc tế	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000063.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
43	Giám định thương mại	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	2.000110.000.00.00.H50	x	
44	Thương mại biên giới và miền núi	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào	2.001272.000.00.00.H50	x	
45	An toàn thực phẩm	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	2.000591.000.00.00.H50	x	
46	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000354.000.00.00.H50	x	
47	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000626.000.00.00.H50	x	
48	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000673.000.00.00.H50	x	
49	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000637.000.00.00.H50	x	
50	Kinh doanh khí	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	1.000481.000.00.00.H50	x	
51	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.001619.000.00.00.H50	x	
52	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000197.000.00.00.H50	x	
53	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000176.000.00.00.H50	x	
54	Lưu thông hàng hóa	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu	1.010696.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	trong nước	bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ			
55	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000645.000.00.00.H50	x	
56	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000666.000.00.00.H50	x	
57	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000664.000.00.00.H50	x	
58	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000669.000.00.00.H50	x	
59	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.001624.000.00.00.H50	x	
60	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000647.000.00.00.H50	x	
61	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000672.000.00.00.H50	x	
62	Kinh doanh khí	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000279.000.00.00.H50	x	
63	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000167.000.00.00.H50	x	
64	Kinh doanh khí	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000166.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
65	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.000636.000.00.00.H50	x	
66	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000640.000.00.00.H50	x	
67	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000648.000.00.00.H50	x	
68	Kinh doanh khí	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000156.000.00.00.H50	x	
69	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000622.000.00.00.H50	x	
70	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000204.000.00.00.H50	x	
71	Kinh doanh khí	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000390.000.00.00.H50	x	
72	Hóa chất	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.011508.H50	x	
73	Thương mại quốc tế	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	2.000314.000.00.00.H50	x	
74	Xuất nhập khẩu	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới	1.002939.000.00.00.H50	x	
75	Xúc tiến thương mại	Thông báo hoạt động khuyến mại	2.000033.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
76	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	1.003401.000.00.00.H50	x	
77	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	2.000229.000.00.00.H50	x	
78	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	2.000221.000.00.00.H50	x	
79	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000210.000.00.00.H50	x	
80	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	2.000172.000.00.00.H50	x	
81	Xúc tiến thương mại	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	2.001474.000.00.00.H50	x	
82	Xúc tiến thương mại	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.	2.000001.000.00.00.H50	x	
83	Kinh doanh khí	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	2.000180.000.00.00.H50	x	
84	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.001434.000.00.00.H50	x	
85	Xúc tiến thương mại	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình	2.000002.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			
86	Kinh doanh khí	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000207.000.00.00.H50	x	
87	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000387.000.00.00.H50	x	
88	Kinh doanh khí	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000187.000.00.00.H50	x	
89	Kinh doanh khí	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	1.000425.000.00.00.H50	x	
90	Kinh doanh khí	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000201.000.00.00.H50	x	
91	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.001433.000.00.00.H50	x	
92	Xúc tiến thương mại	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam.	2.000131.000.00.00.H50	x	
93	Kinh doanh khí	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000371.000.00.00.H50	x	
94	Kinh doanh khí	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000078.000.00.00.H50	x	
95	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	2.000196.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
96	Kinh doanh khí	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000175.000.00.00.H50	x	
97	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001636.000.00.00.H50	x	
98	Quản lý bán hàng đa cấp	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000631.000.00.00.H50	x	
99	Hóa chất	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.011507.H50	x	
100	Kinh doanh khí	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	1.000444.000.00.00.H50	x	
101	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	2.000163.000.00.00.H50	x	
102	Kinh doanh khí	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	2.000211.000.00.00.H50	x	
103	Xúc tiến thương mại	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.000004.000.00.00.H50	x	
104	Kinh doanh khí	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000376.000.00.00.H50	x	
105	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001630.000.00.00.H50	x	
106	Kinh doanh khí	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân	2.000136.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		kinh doanh mua bán LPG			
107	Quản lý bán hàng đa cấp	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	2.000609.000.00.00.H50	x	
108	Quản lý bán hàng đa cấp	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000619.000.00.00.H50	x	
109	Quản lý bán hàng đa cấp	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000309.000.00.00.H50	x	
110	Thương mại quốc tế	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	2.000255.000.00.00.H50	x	
111	Thương mại quốc tế	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	2.000370.000.00.00.H50	x	
112	Thương mại quốc tế	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	2.000351.000.00.00.H50	x	
113	Thương mại quốc tế	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000340.000.00.00.H50	x	
114	Thương mại quốc tế	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	2.000362.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
115	Thương mại quốc tế	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2	2.000334.000.00.00.H50	x	
116	Thương mại quốc tế	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	2.000322.000.00.00.H50	x	
117	Hóa chất	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001175.000.00.00.H50	x	
118	Thương mại quốc tế	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	2.000361.000.00.00.H50	x	
119	Thương mại quốc tế	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000330.000.00.00.H50	x	
120	Xuất nhập khẩu	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới	2.001264.000.00.00.H50	x	
121	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1.013058.H50		x
122	Tài sản kết cấu hạ tầng	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	1.012567.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý				
123	Nghề thủ công mỹ nghệ	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh	1.012471.H50		x
124	Công nghiệp nặng	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.001158.000.00.00.H50		x
125	Hóa chất	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.002758.000.00.00.H50		x
126	Hóa chất	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001547.000.00.00.H50		x
127	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000190.000.00.00.H50		x
128	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000142.000.00.00.H50		x
129	Hóa chất	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.011506.H50		x
130	An toàn đập, hồ chứa	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện	2.001292.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	thủy điện	thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			
131	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.001300.000.00.00.H50		x
132	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000073.000.00.00.H50		x
133	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000194.000.00.00.H50		x
134	Công nghiệp địa phương	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	2.000331.000.00.00.H50		x
135	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001646.000.00.00.H50		x
136	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.001322.000.00.00.H50		x
137	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	2.001384.000.00.00.H50		x
				120	17
XII	SỞ NGOẠI VỤ				
1	Lĩnh vực lãnh sự	Thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại các cơ quan trong nước	2.002352.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		của Bộ Ngoại giao			
2	Lĩnh vực lãnh sự	Thủ tục gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao.	2.002353.000.00.00.H50	x	
3	Lĩnh vực lãnh sự	Thủ tục cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao	2.002354.000.00.00.H50	x	
4	Lĩnh vực lãnh sự	Thủ tục chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu tại các cơ quan ở trong nước	1.001308.000.00.00.H50		x
5	Lĩnh vực hội nghị, hội thảo quốc tế	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	2.002312.000.00.00.H50	x	
6	Lĩnh vực hội nghị, hội thảo quốc tế	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	2.002311.000.00.00.H50		x
7	Lĩnh vực hội nghị, hội thảo quốc tế	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	2.002313.000.00.00.H50		X
				04	03
XIII	BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ				
1	Xây dựng	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư	1.013239.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		xây dựng			
2	Xây dựng	Cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1.013236.H50	x	
3	Xây dựng	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1.013238.H50	x	
4	Xây dựng	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1.013230.H50	x	
5	Xây dựng	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho	1.013231.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)			
6	Xây dựng	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	1.013233.H50	x	
7	Xây dựng	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	1.013235.H50	x	
8	Xây dựng	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013225.H50	x	
9	Xây dựng	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn	1.013229.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) Xây dựng và nhà ở riêng lẻ			
10	Xây dựng	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	1.013232.H50	x	
11	Xây dựng	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013226.H50	x	
12	Xây dựng	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013227.H50	x	
13	Xây dựng	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III,	1.013228.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ			
14	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009777.000.00.00.H50	x	
15	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009776.000.00.00.H50	x	
16	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	1.009775.000.00.00.H50	x	
17	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009774.000.00.00.H50	x	
18	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009773.000.00.00.H50	x	
19	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	1.009772.000.00.00.H50	x	
20	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009771.000.00.00.H50	x	
21	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009770.000.00.00.H50	x	
22	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết	1.009769.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)			
23	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009768.000.00.00.H50	x	
24	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009767.000.00.00.H50	x	
25	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009766.000.00.00.H50	x	
26	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp	1.009765.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý			
27	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009764.000.00.00.H50	x	
28	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009763.000.00.00.H50	x	
29	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009762.000.00.00.H50	x	
30	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009760.000.00.00.H50	x	
31	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền	1.009759.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý			
32	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009757.000.00.00.H50	x	
33	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	1.009756.000.00.00.H50	x	
34	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	1.009755.000.00.00.H50	x	
35	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	1.009748.000.00.00.H50	x	
36	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn	1.009742.000.00.00.H50	x	
37	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục công bố thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	2.002664..H50	x	
38	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Cấp tỉnh)	2.002603.H50	x	
39	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	2.002725	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
40	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	2.002726	x	
41	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	2.002727	x	
42	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	2.002728	x	
43	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	2.002731	x	
44	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	2.002729	x	
45	Đầu tư tại Việt Nam	Thủ tục Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	2.002732	x	
46	Lao động, việc làm	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	2.001955.000.00.00.H50	x	
47	Lao động, việc làm	<i>Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày</i>	1.005132.000.00.00.H50	x	
48	Quản lý hoạt động TM	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000063.000.00.00.H50	x	
49	Quản lý hoạt động TM	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000450.000.00.00.H50	x	
50	Quản lý hoạt động TM	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000347.000.00.00.H50	x	
51	Quản lý hoạt động TM	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài	2.000327.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
52	Quản lý hoạt động TM	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp phép	2.000314.000.00.00.H50	x	
				52	

Phụ lục 2**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2025 THỰC HIỆN TẠI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ***(Ban hành kèm theo Quyết định số: QĐ - UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)*

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
1	Tổ chức - Biên chế	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.009335.000.00.00.H50	x	
2	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	1.012939.H50	x	
3	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục thành lập hội	1.012940.H50	x	
4	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	1.012949.H50	x	
5	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	1.012941.H50	x	
6	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội	1.012950.H50	x	
7	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục hội tự giải thể	1.012951.H50	x	
8	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	1.012952.H50	x	
9	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (cấp huyện)	1.013024.H50	x	
10	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ (cấp huyện)	1.013025.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
11	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ (cấp huyện)	1.013026.H50	x	
12	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (cấp huyện)	1.013027.H50	x	
13	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động (cấp huyện)	1.013028.H50	x	
14	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (cấp huyện)	1.013029.H50	x	
15	Tổ chức phi chính phủ	Thủ tục quỹ tự giải thể (cấp huyện)	1.013030.H50	x	
16	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo chuyên đề (Cấp huyện)	1.012387.H50	x	
17	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho hộ gia đình (Cấp huyện)	1.012390.H50	x	
18	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện huyện theo công trạng (Cấp huyện)	1.012381.H50	x	
19	Người có công	Thăm viếng mộ liệt sĩ	1.010832.000.00.00.H50	x	
20	Công chức, viên chức	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	1.012299.H50		x
21	Công chức, viên chức	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	1.012301.H50		x
22	Công chức, viên chức	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	1.012300.H50		x
23	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" (Cấp huyện)	1.012385.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
24	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" (Cấp huyện)	1.012386.H50		x
25	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” (Cấp huyện)	1.012383.H50		x
26	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất (Cấp huyện)	1.012389.H50		x
27	Lao động, tiền lương, quan hệ lao động	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	1.004964.000.00.00.H50		x
28	Người có công	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.001257.000.00.00.H50		x
29	Người có công	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	2.002307.000.00.00.H50		x
30	Người có công	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	1.010801.000.00.00.H50		x
31	Người có công	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	1.010803.000.00.00.H50		x
32	Người có công	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	1.010804.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
33	Người có công	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1.010805.000.00.00.H50		x
34	Người có công	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	1.010812.000.00.00.H50		x
35	Người có công	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	1.010814.000.00.00.H50		x
36	Người có công	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1.010819.000.00.00.H50		x
37	Người có công	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	1.010820.000.00.00.H50		x
38	Người có công	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.010821.000.00.00.H50		x
39	Người có công	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1.010810.000.00.00.H50		x
40	Người có công	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1.010811.000.00.00.H50		x
41	Người có công	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt	1.010816.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học			
42	Người có công	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010817.000.00.00.H50		x
43	Người có công	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1.010818.000.00.00.H50		x
44	Người có công	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1.010824.000.00.00.H50		x
45	Người có công	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	1.010825.000.00.00.H50		x
46	Người có công	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010829.000.00.00.H50		x
47	Người có công	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010830.000.00.00.H50		x
48	Đường thủy nội địa	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1.009455.000.00.00.H50	x	
49	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	1.009452.000.00.00.H50	x	
50	Đường thủy nội địa	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng	2.001218.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát			
51	Đường thủy nội địa	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001214.000.00.00.H50	x	
52	Đường thủy nội địa	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	2.001215.000.00.00.H50	x	
53	Đường thủy nội địa	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001212.000.00.00.H50	x	
54	Đường thủy nội địa	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001211.000.00.00.H50	x	
55	Đường thủy nội địa	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (TTHC thực hiện ở cấp tỉnh và cấp huyện)	1.009444.000.00.00.H50	x	
56	Đường thủy nội địa	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2.001217.000.00.00.H50	x	
57	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1.009453.000.00.00.H50	x	
58	Đường thủy nội địa	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	1.009454.000.00.00.H50	x	
59	Chứng thực	Cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908.000.00.00.H50	x	
60	Chứng thực	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam	2.000815.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận			
61	Chứng thực	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	2.000884.000.00.00.H50		x
62	Chứng thực	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	2.000913.000.00.00.H50		x
63	Chứng thực	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	2.000927.000.00.00.H50		x
64	Chứng thực	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng giao dịch đã được chứng thực	2.000942.000.00.00.H50		x
65	Chứng thực	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	2.001008.000.00.00.H50		x
66	Chứng thực	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	2.001044.000.00.00.H50		x
67	Chứng thực	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	2.001050.000.00.00.H50		x
68	Chứng thực	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	2.001052.000.00.00.H50		x
69	Hộ tịch	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	2.000635.000.00.00.H50	x	
70	Hộ tịch	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	2.002516.000.00.00.H50	x	
71	Hộ tịch	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000528.000.00.00.H50		x
72	Hộ tịch	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000806.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
73	Hộ tịch	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1.001766.000.00.00.H50		x
74	Hộ tịch	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	2.000779.000.00.00.H50		x
75	Hộ tịch	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.001695.000.00.00.H50		x
76	Hộ tịch	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1.001669.000.00.00.H50		x
77	Hộ tịch	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2.000756.000.00.00.H50		x
78	Hộ tịch	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	2.000748.000.00.00.H50		x
79	Hộ tịch	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002189.000.00.00.H50		x
80	Hộ tịch	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.000554.000.00.00.H50		x
	Hộ tịch	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	2.000547.000.00.00.H50		x
81	Hộ tịch	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000522.000.00.00.H50		x
82	Hộ tịch	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.000893.000.00.00.H50		x
83	Hộ tịch	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000513.000.00.00.H50		x
84	Hộ tịch	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	2.000497.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
85	Nuôi con nuôi	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002363.000.00.00.H50		x
86	Nuôi con nuôi	Cấp giấy xác nhận công dân Việt nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	2.002349.000.00.00.H50		x
87	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (cấp huyện)	2.000979.000.00.00.H50		x
88	Bồi thường nhà nước	Thủ tục phục hồi danh dự (cấp huyện)	1.005462.000.00.00.H50		x
89	Bồi thường nhà nước	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp huyện)	2.002190.000.00.00.H50		X
90	Trồng trọt	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	1.012849.H50		x
91	Trồng trọt	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	1.012850.H50	x	
92	Thủy sản	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1.004498.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
93	Thủy sản	Công bố mở cảng cá loại 3	1.004478.000.00.00.H50	x	
94	Thủy sản	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1.003956.000.00.00.H50		x
95	Thủy lợi	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	2.001627.000.00.00.H50	x	
96	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	1.003456.000.00.00.H50	x	
97	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003471.000.00.00.H50	x	
98	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	1.003459.000.00.00.H50	x	
99	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003347.000.00.00.H50	x	
100	Kiểm lâm	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	1.000047.000.00.00.H50	x	
101	Kiểm lâm	Xác nhận bảng kê lâm sản	1.000045.000.00.00.H50	x	
102	Kiểm lâm	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	1.012695.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
103	Kiểm lâm	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	1.012694.H50		x
104	Kiểm lâm	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	1.012922.H50	x	
105	Kiểm lâm	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	3.000250.H50	x	
106	Kiểm lâm	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.011471.H50	x	
107	Kiểm lâm	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư	1.007919.000.00.00.H50	x	
108	Biển và Hải đảo	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển cấp huyện	1.009486.000.00.00.H50		x
109	Biển và Hải đảo	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cấp huyện	1.009484.000.00.00.H50		x
110	Biển và Hải đảo	Trả lại khu vực biển cấp huyện	1.009485.000.00.00.H50		x
111	Biển và Hải đảo	Giao khu vực biển cấp huyện	1.009483.000.00.00.H50		x
112	Biển và Hải đảo	Công nhận khu vực biển cấp huyện	1.009482.000.00.00.H50		x
113	Tài nguyên nước	Đăng ký khai thác nước dưới đất	1.001662.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
114	Tài nguyên nước	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	1.001645.000.00.00.H50		x
115	Đất đai	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	1.012816.H50		x
116	Đất đai	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	1.012819.H50		x
117	Đất đai	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	1.012817.H50		x
118	Đất đai	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	1.012814.H50		x
119	Đất đai	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện	1.012811.H50		x
120	Đất đai	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân	1.012810.H50		x
121	Đất đai	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	1.012809.H50		x
122	Đất đai	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá	1.012808		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		nhân khi hết hạn sử dụng đất			
123	Đất đai	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	1.012807.H50		x
124	Đất đai	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	1.012806.H50		x
125	Đất đai	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	1.012796.H50		x
126	Đất đai	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân	1.012779.H50		x
127	Đất đai	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	1.012778.H50		x
128	Đất đai	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi	1.012777.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân			
129	Đất đai	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	1.012776.H50		x
130	Đất đai	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân	1.012774.H50		x
131	Đất đai	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	1.012775.H50		x
132	Đất đai	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	1.012773.H50		x
133	Đất đai	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa	1.012771.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân			
134	Đất đai	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng	1.012780.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở			
135	Môi trường	Cấp giấy phép môi trường	1.010723.00.00.00.H50		x
136	Môi trường	Cấp đổi giấy phép môi trường	1.010724.000.00.00.H50	x	
137	Môi trường	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	1.010725.000.00.00.H50	x	
138	Môi trường	Cấp lại giấy phép môi trường	1.010726.000.00.00.H50		X
139	Giáo dục mầm non	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1.012961.H50	x	
140	Giáo dục mầm non	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1.006390.000.00.00.H50	x	
141	Giáo dục mầm non	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	1.006444.000.00.00.H50	x	
142	Giáo dục mầm non	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1.006445.000.00.00.H50	x	
143	Giáo dục mầm non	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1.012962.H50	x	
144	Giáo dục tiểu học	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	1.012963.H50	x	
145	Giáo dục tiểu học	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	2.001842.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
146	Giáo dục tiểu học	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	1.004552.000.00.00.H50	x	
147	Giáo dục tiểu học	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	1.004563.000.00.00.H50	x	
148	Giáo dục tiểu học	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	1.001639.000.00.00.H50	x	
149	Giáo dục tiểu học	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	1.005099.000.00.00.H50	x	
150	Giáo dục trung học	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.012964.H50	x	
151	Giáo dục trung học	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1.012965.H50	x	
152	Giáo dục trung học	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	1.012966.H50	x	
153	Giáo dục trung học	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.012967.H50	x	
154	Giáo dục trung học	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	1.012968.H50	x	
155	Giáo dục trung học	Tuyển sinh trung học cơ sở	3.000182.000.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
156	Giáo dục trung học	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	2.002481.000.00.00.H50	x	
157	Giáo dục trung học	Tiếp nhận đối tượng học sinh bỏ túc trung học cơ sở	2.001904.000.00.H50	x	
158	Giáo dục trung học	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	1.005108.000.00.00.H50	x	
159	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1.004440.000.00.00.H50	x	
160	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (cấp tỉnh và cấp huyện)	1.001000.000.00.00.H50	x	
161	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	1.005106.000.00.00.H50		x
162	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	1.005097.000.00.00.H50	x	
163	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008724.000.00.00.H50	x	
164	Giáo dục và đào tạo	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung	1.008725.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận			
165	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	1.004438.000.00.00.H50		x
166	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1.003702.000.00.00.H50		x
167	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1.001622.000.00.00.H50		x
168	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	1.008950.000.00.00.H50		x
169	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	1.008951.000.00.00.H50		x
170	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1.005143.000.00.00.H50	x	
171	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1.001714.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		(Cấp tỉnh, huyện, xã)			
172	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	1.005092.000.00.00.H50	x	
173	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (Tỉnh, huyện)	1.005138.000.00.00.H50	x	
174	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Xét, cấp học bổng chính sách (Cấp tỉnh, huyện)	1.002407.000.00.00.H50		x
175	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	1.005144.000.00.00.H50		x
176	Thi, tuyển sinh	Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT	1.005090.000.00.00.H50	x	
177	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh <i>(Cơ quan thực hiện TTHC: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện)</i>	2.002284.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
178	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	2.001960.000.00.00.H50		x
179	Giáo dục nghề nghiệp	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập (<i>đối với trường trung cấp công lập thuộc UBND cấp huyện</i>)	1.010590.000.00.00.H50		x
180	Giáo dục nghề nghiệp	<i>Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập (đối với trường trung cấp công lập thuộc UBND cấp huyện)</i>	1.010591.000.00.00.H50		x
181	Giáo dục nghề nghiệp	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập (<i>đối với trường trung cấp công lập thuộc UBND cấp huyện</i>)	1.010592.000.00.00.H50		x
182	Giáo dục thường xuyên	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	3.000308.H50	x	
183	Giáo dục thường xuyên	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	3.000307.H50	x	
184	Giáo dục thường xuyên	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	1.012969.H50	x	
185	Giáo dục thường xuyên	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1.012970.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
186	Cơ sở giáo dục khác	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	3.000309.H50	x	
187	Văn hóa cơ sở	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	1.003645.000.00.00.H50	x	
188	Văn hóa cơ sở	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	1.003635.000.00.00.H50	x	
189	Thư viện	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1.008898.000.00.00.H50	x	
190	Thư viện	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1.008899.000.00.00.H50	x	
191	Thư viện	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1.008900.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
192	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001885.000.00.00.H50	x	
193	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001884.000.00.00.H50	x	
194	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001880.000.00.00.H50	x	
195	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001786.000.00.00.H50	x	
196	Bảo trợ xã hội	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.001758.000.00.00.H50		x
197	Bảo trợ xã hội	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001753.000.00.00.H50		x
198	Bảo trợ xã hội	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731.000.00.00.H50		x
199	Bảo trợ xã hội	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	2.000777.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
200	Bảo trợ xã hội	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744.000.00.00.H50		x
201	Bảo trợ xã hội	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739.000.00.00.H50		x
202	Bảo trợ xã hội	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế cấp	2.000684.000.00.00.H50	x	
203	Bảo trợ xã hội	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế	2.000298.000.00.00.H50	x	
204	Bảo trợ xã hội	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	2.000294.000.00.00.H50	x	
205	Bảo trợ xã hội	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	2.000669.000.00.00.H50		X
206	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012603.H50	x	
207	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	1.012602.H50	x	
208	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn	1.012601.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		giáo ở nhiều xã thuộc một huyện.			
209	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện.	1.012600.H50	x	
210	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện.	1.012599.H50		x
211	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	1.012598.H50	x	
212	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	1.012596.H50	x	
213	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.012593.H50	x	
214	Dân tộc	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.012222.H50		x
215	Dân tộc	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.012223.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
216	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.000473.000.00.00.H50	x	
217	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2.000184.000.00.00.H50	x	
218	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2.002742	x	
219	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2.002743	x	
220	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2.002744	x	
223	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2.002745	x	
224	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2.002746	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
225	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.000620.000.00.00.H50	x	
226	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000181.000.00.00.H50	x	
227	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000162.000.00.00.H50	x	
228	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150.000.00.00.H50	x	
229	Công nghiệp địa phương	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	2.002096.000.00.00.H50	x	
230	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001283.000.00.00.H50	x	
231	Kinh doanh khí	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001270.000.00.00.H50	x	
232	Kinh doanh khí	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001261.000.00.00.H50	x	
233	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	2.001240.000.00.00.H50		x
234	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	2.000615.000.00.00.H50		x
235	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1.001279.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
236	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000629.000.00.00.H50		x
237	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000633.000.00.00.H50		x
238	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	1.012569.H50		x
239	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý	1.012568.H50		x
				118	121

Phụ lục 3**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN TỈNH
QUẢNG TRỊ NĂM 2025 THỰC HIỆN TẠI UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN***(Ban hành kèm theo Quyết định số: QĐ - UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)*

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
1	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến (Cấp xã)	1.012379.H50	x	
2	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng (Cấp xã)	1.012373.H50	x	
3	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất (Cấp xã)	1.012376.H50	x	
4	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình (Cấp xã)	1.012378.H50	x	
5	Người có công	Thăm viếng mộ liệt sĩ	1.010832.000.00.00.H50	x	
6	Người có công	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	1.010833.000.00.00.H50	x	
7	Thi đua - khen thưởng	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề (Cấp xã)	1.012374.H50		x
8	Lao động, tiền lương, quan hệ lao động	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia	1.004964.000.00.00.H50		x
9	Người có công	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng	1.001257.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			
10	Người có công	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	2.002307.000.00.00.H50		x
11	Người có công	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	1.010801.000.00.00.H50		x
12	Người có công	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	1.010802.000.00.00.H50		x
13	Người có công	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	1.010803.000.00.00.H50		x
14	Người có công	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	1.010804.000.00.00.H50		x
15	Người có công	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1.010805.000.00.00.H50		x
16	Người có công	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	1.010812.000.00.00.H50		x
17	Người có công	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương	1.010814.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ			
18	Người có công	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1.010819.000.00.00.H50		x
19	Người có công	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	1.010820.000.00.00.H50		x
20	Người có công	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.010821.000.00.00.H50		x
21	Người có công	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1.010810.000.00.00.H50		x
22	Người có công	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1.010811.000.00.00.H50		x
23	Người có công	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	1.010815.000.00.00.H50		x
24	Người có công	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010816.000.00.00.H50		x
25	Người có công	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc	1.010817.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		hóa học			
26	Người có công	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1.010818.000.00.00.H50		x
27	Người có công	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1.010824.000.00.00.H50		x
28	Người có công	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	1.010825.000.00.00.H50		x
29	Người có công	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010829.000.00.00.H50		x
30	Người có công	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010830.000.00.00.H50		x
31	Người có công	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001157.H50		x
32	Người có công	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001396.H50		X
33	Chứng thực	Cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908.000.00.00.H50	x	
34	Chứng thực	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền	2.000815.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận			
35	Chứng thực	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	2.000884.000.00.00.H50		x
36	Chứng thực	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	2.000913.000.00.00.H50		x
37	Chứng thực	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	2.000927.000.00.00.H50		x
38	Chứng thực	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng giao dịch đã được chứng thực	2.000942.000.00.00.H50		x
39	Chứng thực	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001035.000.00.00.H50		x
40	Chứng thực	Chứng thực di chúc	2.001019.000.00.00.H50		x
41	Chứng thực	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2.001016.000.00.00.H50		x
42	Chứng thực	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001406.000.00.00.H50		x
43	Chứng thực	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001009.000.00.00.H50		x
44	Hộ tịch	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	2.000635.000.00.00.H50	x	
45	Hộ tịch	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	2.002516.000.00.00.H50	x	
46	Hộ tịch	Đăng ký giám sát việc giám hộ	3.000323.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
47	Hộ tịch	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	3.000322.H50		x
48	Hộ tịch	Đăng ký khai sinh	1.001193.000.00.00.H50		x
49	Hộ tịch	Đăng ký kết hôn	1.000894.000.00.00.H50		x
50	Hộ tịch	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022.000.00.00.H50		x
51	Hộ tịch	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000689.000.00.00.H50		x
52	Hộ tịch	Đăng ký khai tử	1.000656.000.00.00.H50		x
53	Hộ tịch	Đăng ký khai sinh lưu động	1.003583.000.00.00.H50		x
54	Hộ tịch	Đăng ký kết hôn lưu động	1.000593.000.00.00.H50		x
55	Hộ tịch	Đăng ký khai tử lưu động	1.000419.000.00.00.H50		x
56	Hộ tịch	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000110.000.00.00.H50		x
57	Hộ tịch	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000094.000.00.00.H50		x
58	Hộ tịch	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000080.000.00.00.H50		x
59	Hộ tịch	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.004827.000.00.00.H50		x
60	Hộ tịch	Đăng ký giám hộ	1.004837.000.00.00.H50		x
61	Hộ tịch	Đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845.000.00.00.H50		x
62	Hộ tịch	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	1.004859.000.00.00.H50		x
63	Hộ tịch	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
64	Hộ tịch	Đăng ký lại khai sinh	1.004884.000.00.00.H50		x
65	Hộ tịch	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772.000.00.00.H50		x
66	Hộ tịch	Đăng ký lại kết hôn	1.004746.000.00.00.H50		x
67	Hộ tịch	Đăng ký lại khai tử	1.005461.000.00.00.H50		x
68	Hộ tịch	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.001023.000.00.00.H50		x
69	Hộ tịch	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.000986.000.00.00.H50		x
70	Nuôi con nuôi	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2.001263.000.00.00.H50		x
71	Nuôi con nuôi	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255.000.00.00.H50		x
72	Nuôi con nuôi	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1.003005.000.00.00.H50		x
73	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	2.001457.000.00.00.H50		x
74	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	2.001449.000.00.00.H50		x
75	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Thủ tục công nhận hòa giải viên	1.002211.000.00.00.H50		x
76	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	2.000930.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
77	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	2.000950.000.00.00.H50		x
78	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2.002080.000.00.00.H50		x
79	Bồi thường nhà nước	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	2.002165.000.00.00.H50		X
80	Trồng trọt	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	1.008004.000.00.00.H50	x	
81	Thủy lợi	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	2.001621.000.00.00.H50		x
82	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003446.000.00.00.H50		x
83	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003440.000.00.00.H50		x
84	Phòng, chống thiên tai	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	2.002163.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
85	Phòng, chống thiên tai	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	2.002162.000.00.00.H50		x
86	Phòng, chống thiên tai	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, xã hội	1.010092.000.00.00.H50		x
87	Phòng, chống thiên tai	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	1.010091.000.00.00.H50		x
88	Giảm nghèo	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	1.011606.H50		x
89	Giảm nghèo	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011607.H50		x
90	Giảm nghèo	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011608.H50		x
91	Giảm nghèo	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1.011609.H50		x
92	Kiểm lâm	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	1.012693.H50		x
93	Nông nghiệp	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	1.003596.000.00.00.H50		x
94	Chăn nuôi	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống,	1.012836.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước			
95	Chăn nuôi	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nito lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	1.012837.H50		x
96	Đất đai	Hòa giải tranh chấp đất đai	1.012812.H50		x
97	Môi trường	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	2.002213.000.00.00.H50		x
98	Môi trường	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	1.004082. H50		X
99	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	1.012975.H50	x	
100	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1.012971.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
	giáo dục khác				
101	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	1.012972.H50	x	
102	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1.012973.H50	x	
103	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1.012974.H50	x	
104	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục (Cấp tỉnh, huyện, xã)	1.001714.000.00.00.H50		X
105	Văn hóa cơ sở	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1.003622.000.00.00.H50	x	
106	Thư viện	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008901.000.00.00.H50	x	
107	Thư viện	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008902.000.00.00.H50	x	
108	Thư viện	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện	1.008903.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		cộng đồng			
109	Thể dục thể thao	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	2.000794.000.00.00.H50	x	
110	Gia đình	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã)	1.012084.H50	x	
111	Gia đình	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc	1.012085.H50	x	
112	Bảo trợ xã hội	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H50	x	
113	Bảo trợ xã hội	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.001758.000.00.00.H50		x
114	Bảo trợ xã hội	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001753.000.00.00.H50		x
115	Bảo trợ xã hội	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731.000.00.00.H50		x
116	Bảo trợ xã hội	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà	2.000777.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		không có người thân thích chăm sóc			
117	Bảo trợ xã hội	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744.000.00.00.H50		x
118	Bảo trợ xã hội	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739.000.00.00.H50		x
119	Bảo trợ xã hội	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế cấp	2.000684.000.00.00.H50	x	
120	Bảo trợ xã hội	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế	2.000298.000.00.00.H50	x	
121	Bảo trợ xã hội	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	2.000294.000.00.00.H50	x	
122	Bảo trợ xã hội	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	2.000669.000.00.00.H50		x
123	Bảo trợ xã hội	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699.000.00.00.H50		x
124	Bảo trợ xã hội	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653.000.00.00.H50		x
125	Bảo trợ xã hội	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355.000.00.00.H50		x
126	Bảo trợ xã hội	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751.000.00.00.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
127	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012603.H50	x	
128	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	1.012602.H50	x	
129	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện.	1.012601.H50	x	
130	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện.	1.012600.H50		
131	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện.	1.012599.H50		x
132	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	1.012598.H50	x	
133	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	1.012596.H50	x	
134	Tín ngưỡng, tôn giáo	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ	1.012593.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc			
135	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên.	2.002620.H50		x
				32	103

Tổng cộng: 1.805 TTHC

Trong đó:

- DVC trực tuyến toàn trình: 1.219 chiếm tỷ lệ: 67 %
- DVC trực tuyến một phần: 606 chiếm tỷ lệ: 33 %